



TON DONG A

cùng xây cuộc sống xanh

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

2022





TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

📍 Số 5, đường số 5, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

☎ 0274 373 2575

☎ 0274 379 0420

✉ info@tondonga.com.vn

🌐 www.tondonga.com.vn

ir-gda@tondonga.com.vn (Quan hệ cổ đông)



“ Công ty phấn đấu trở thành niềm tự hào tôn Việt với các sản phẩm chất lượng cao khi chú trọng đầu tư thiết bị có công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường theo tinh thần của slogan “cùng xây cuộc sống xanh” ”

MỤC LỤC

Thông điệp từ Chủ tịch Hội đồng quản trị	4	Phần II: Tình hình hoạt động trong năm	30
PHẦN I: Tổng quan	6	1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	32
1. Thông tin khái quát	8	2. Tổ chức và nhân sự	34
2. Quá trình hình thành và phát triển	10	3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	36
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	14	4. Các Công ty con & Công ty liên doanh, liên kết	38
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	18	5. Tình hình tài chính	40
5. Định hướng phát triển	22	6. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	41
6. Các rủi ro	24	7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	42
Phần III: Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	48	Phần IV: Đánh giá của Hội đồng quản trị	56
1. Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2022	50	1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty	58
2. Những nét nổi bật trong kết quả HDSXKD	51	2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	59
3. Tình hình tài chính	52	3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	61
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023	54	Phần VI: Báo cáo phát triển bền vững	74
Phần V: Quản trị Công ty	62	Phần VII: Báo cáo tài chính hợp nhất 2022 đã kiểm toán	84
1. Sơ lược thành phần Hội đồng quản trị	64		
2. Sơ lược thành phần Ban kiểm soát	66		
3. Sơ lược thành phần Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	68		
4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	73		



THÔNGIỆP

Từ Chủ tịch Hội đồng quản trị



Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Thanh Trung

Kính thưa quý Cổ đông, Đối tác, Khách hàng và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Năm 2022 đã khép lại với nhiều yếu tố biến động khó lường cho nền kinh tế toàn cầu và kinh tế Việt Nam, trực tiếp ảnh hưởng đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong đó, thế giới chịu ảnh hưởng bởi chính sách Zero - Covid tiếp tục được thực hiện tại Trung Quốc, lạm phát gia tăng, chuỗi cung ứng bị đứt gãy, nhu cầu sụt giảm, lãi suất tăng, ảnh hưởng do chiến tranh ...

Về tình hình trong nước, bên cạnh giá thép thế giới sụt giảm do nhu cầu suy yếu, việc các chủ đầu tư địa ốc gặp khó khăn dòng tiền do ảnh hưởng của tình trạng siết chặt tín dụng và kênh huy động vốn thông qua trái phiếu gặp nhiều thách thức cũng tác động tiêu cực tới nhu cầu, trong khi điểm sáng trong nước chỉ tới từ nhu cầu xây dựng các dự án đầu tư công.

Do chịu ảnh hưởng bởi nhu cầu và giá thành suy giảm, các doanh nghiệp cùng ngành và Tôn Đông Á đều ghi nhận một năm tương đối khó khăn so với những năm trước đó. Nhưng với nỗ lực tiết giảm chi phí và gia tăng tính kết nối, hỗ trợ các đại lý, khách hàng cùng vượt qua giai đoạn khó khăn, Tôn Đông Á đã hoàn thành năm 2022 với doanh thu 21.614,5 tỷ đồng, bằng 85,6% so với cùng

kỳ, lợi nhuận gộp ghi nhận 1.181,1 tỷ đồng, bằng 42,3% so với thực hiện trong năm 2021 và lỗ 276,5 tỷ đồng trong năm 2022. Trong năm qua, Công ty đã tiếp tục cải thiện thị phần và giữ vững thị phần thứ hai của mình. Cụ thể, theo dữ liệu từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), thị phần tôn mạ của Tôn Đông Á đã tăng từ 14,3% lên 17,6%, tiếp tục thu hẹp khoảng cách và giữ vị trí thứ hai về thị phần. Năm 2022, Tôn Đông Á đã đẩy mạnh chuyển đổi số, sử dụng phần mềm Eoffice trong vận hành, sử dụng phần mềm quản lý hiệu quả; ứng dụng phần mềm ERP trong quản lý chuỗi cung ứng, sản xuất, kinh doanh. Đặc biệt, Công ty đã chính thức đưa App bán hàng vào sử dụng, điều này giúp gia tăng dịch vụ, lợi ích cộng thêm cho khách hàng. Thêm nữa, để đa dạng hóa dòng sản phẩm, Tôn Đông Á cũng đã bắt đầu cung cấp thêm sản phẩm ứng dụng cho ngành sản xuất thiết bị gia dụng cho Samsung, LG, và nhận được nhiều phản hồi về chất lượng sản phẩm, hứa hẹn sẽ là một hướng đi mới giúp Công ty đa dạng hoá sản phẩm trong tương lai.

Bước sang năm 2023, theo Hiệp hội Thép Thế giới, nhu cầu thép dự kiến sẽ phục hồi 1% lên 1,8 tỷ tấn vào năm 2023, sau khi giảm 2,3% trong năm

tới cuối tháng 2/2023, thị trường đang chứng kiến đà hồi phục của giá thép thế giới nhờ vào việc Trung Quốc dỡ bỏ chính sách Zero Covid và đang thực hiện nhiều biện pháp kích thích, hỗ trợ thị trường bất động sản. Hướng tới năm 2023, để duy trì thể chủ động trong kinh doanh và thích ứng với điều kiện mới, Công ty sẽ củng cố và mở rộng kênh phân phối nội địa và xuất khẩu. Công ty sẽ xem xét trong tình hình hiện nay để triển khai các dự án đầu tư đã có kế hoạch để đón nhu cầu được gia tăng trong thời điểm thuận lợi. Tăng cường vận dụng linh hoạt chiến lược phân phối, tạo nên chuỗi giá trị từ sản xuất đến phân phối trước, trong và sau bán hàng nhằm mang lại sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng và người tiêu dùng.

Thách thức vẫn luôn mở ra cơ hội với những doanh nghiệp có thể tận dụng thời cơ để tạo ra sự bứt phá khỏi những giới hạn thông thường. Hành trình phía trước chắc chắn vẫn còn nhiều chông gai, tuy nhiên với bề dày lịch sử, uy tín và tôn chỉ "cùng xây cuộc sống xanh" của Công ty, sẽ là động lực để Tôn Đông Á vững vàng vượt qua và tiếp tục làm nên những thành tựu mới. Để đánh dấu cột mốc kỷ niệm 25 năm thành lập, Tôn Đông Á rất mong nhận được sự chia sẻ, tin tưởng và ủng hộ từ Quý cổ đông, khách hàng và đối tác để tiếp tục đạt được những kết quả đáng mong đợi và cùng nhau tạo ra những mốc son mới trong tương lai và Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc sẽ nỗ lực hết sức để có kết quả tốt trong năm 2023 đem lại giá trị tăng cao cho Quý cổ đông.

Thay cho lời kết của thông điệp này, tôi xin gửi lời tri ân tới toàn thể đội ngũ Ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên vì những cống hiến, nỗ lực không ngừng nghỉ trong năm 2022 đầy gian nan vừa qua

và lời cảm ơn dành cho sự tin tưởng, ủng hộ, đồng hành của các Quý cổ đông, đối tác và khách hàng của Tôn Đông Á.

Kính chúc quý vị tràn đầy sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thanh Trung




PHẦN I

TỔNG QUAN

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT TÔN ĐÔNG Á

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
Tên viết tắt	TDA CORP
Tên tiếng Anh	TON DONG A CORPORATION
Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/02/2009, cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 28/07/2022
Vốn điều lệ	1.146.915.100.000 (Một ngàn một trăm bốn mươi sáu tỷ, chín trăm mười lăm triệu, một trăm ngàn đồng)
Trụ sở chính	Số 5, Đường số 5, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại	02743732575
Fax	02743790420
Email	info@tondonga.com.vn ir-gda@tondonga.com.vn (Quan hệ cổ đông)
Website	www.tondonga.com.vn
Logo	 TON DONG A
Mã cổ phiếu	GDA
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng
Tổng số cổ phần	114.691.510

TẦM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất thép lá mạ chất lượng cao, có uy tín trong nước và trên thế giới.

SỨ MỆNH

- Đầu tư thiết bị, dây chuyền hiện đại và thân thiện với môi trường nhằm sản xuất các sản phẩm thép lá mạ có chất lượng cao bảo đảm sự bền vững và tính thẩm mỹ của các công trình.
- Tổ chức hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra các sản phẩm có giá cả cạnh tranh với các dịch vụ hậu mãi tốt.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Mỗi nhân viên của Tôn Đông Á luôn phấn đấu để đạt và duy trì các phẩm chất:

- Gắn kết để phối hợp đồng bộ trong mọi hoạt động nhằm thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu của khách hàng.
- Kỷ luật trong sản xuất, kinh doanh nhằm xây dựng và phát triển thành một Công ty đạt chuẩn mực quốc tế.
- Chuyên nghiệp để tạo ra các sản phẩm thép lá mạ chất lượng cao nhất.



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- 05/11/1998**
 Công ty TNHH Đông Á được thành lập, trụ sở đặt tại Lô E, KCN Sóng Thần, Dĩ An, Bình Dương
- 09/2004**
 Công ty đầu tư dự án dây chuyền sản xuất tôn mạ kẽm dạng cuộn công suất 40.000 tấn/năm
- 06/2005**
 Công ty TNHH Đông Á đổi tên thành Công ty TNHH Tôn Đông Á. Thương hiệu **Tôn Đông Á** chính thức ra đời
- 2006**
 Dây chuyền mạ màu CM1 đi vào hoạt động sản phẩm mạ màu đầu tiên của Tôn Đông Á được giới thiệu ra thị trường
- 2008**
 Dây chuyền mạ màu thứ hai (CM2) được đầu tư bằng thiết bị trong nước và công nghệ Hàn Quốc cải tiến cơ sở CM1, công suất 40.000 tấn/năm
- 2009**
 Công ty TNHH Tôn Đông Á chuyển hướng sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên gọi **Công ty Cổ phần Tôn Đông Á**
- 2010**
 Tôn Đông Á đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất tôn mạ nhôm kẽm (tôn lạnh) với công suất 100.000 tấn/năm
 Đồng thời triển khai thực hiện dự án nhà máy Tôn Đông Á tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với quy mô diện tích 16 hecta
- 2011**
 Đưa dây chuyền mạ màu số 3 (CM3) vào vận hành, góp phần nâng tổng sản lượng sản phẩm mạ màu của Công ty Tôn Đông Á lên 120.000 tấn/năm và tổng công suất thiết bị sản xuất các sản phẩm mạ của Công ty lên trên 300.000 tấn/năm
- 06/12/2012**
 Đầu tư dự án ERP (phần mềm quản trị Nguồn lực Doanh nghiệp) trị giá 1 triệu USD
- 21/03/2013**
 Khởi công xây dựng nhà máy thứ 2 với công suất 800.000 tấn/năm tại Lô A3, KCN Đồng An 2, Phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương
- 05/06/2013**
 Khai trương văn phòng đại diện tại TP.HCM
- 11/06/2014**
 Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng đi vào hoạt động

- 05/05/2017**
Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh đi vào hoạt động tại địa chỉ Nhà RBF-Q, Khu RBF, số 36, đường số 05, VSIP Bắc Ninh, xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- 22/06/2017**
Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An (huyện Bến Lức, tỉnh Long An) với tổng diện tích gần 20.000 m2 đã chính thức khai trương và đi vào hoạt động
- 26/06/2017**
Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng chính thức dời về địa chỉ mới Lô E2, đường số 07, KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng, diện tích 2 hecta
- 23/11/2017**
 Khởi công lễ động thổ Kho trung chuyển của **Công ty Cổ phần Tôn Đông Á** và **Trụ sở Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương** tại KCN Sóng Thần 3
- 2018**
 Giai đoạn 2 nhà máy TDA.TDM hoàn thành và nhanh chóng đưa vào vận hành toàn bộ công suất của TDA, đạt công suất 800.000 tấn/năm trước cuối năm 2018. Tự hào đưa vào dây chuyền màu CM4 hiện đại nhất Đông Nam Á
- 2019**
 Cho ra đời một bộ nhãn hàng mới - tiêu chuẩn cao KING/WIN/SVIET, xây dựng hình ảnh đồng bộ với chất lượng sản phẩm của Tôn Đông Á
- 27/07/2020**
 Phòng thí nghiệm Tôn Đông Á được đơn vị BoA công nhận là Phòng thí nghiệm đáp ứng được yêu cầu và năng lực thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 với mã VILAS 1321
- 31/08/2020**
 Thành lập văn phòng đại diện mới Công ty Cổ phần Tôn Đông Á tại thành phố Quy Nhơn, Bình Định
- 18/11/2020**
 Khởi công dự án nhà máy sản xuất ống tại KCN Hòa Khánh – Đà Nẵng với tổng quy mô 20.00 m2, công suất 70.000 tấn/năm, tổng mức vốn đầu tư dự án 150 tỷ đồng
- 18/03/2022**
Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng sau khi IPO thành công 15.350.000 cổ phiếu
- 21/04/2022**
 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp mã chứng khoán GDA
- 2022**
 Tôn Đông Á đã cung cấp sản phẩm thiết bị gia dụng cho Samsung, LG và đã được chấp nhận về chất lượng
- 06/2022**
 Công ty triển khai App Tôn Đông Á đến khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng giá trị cộng thêm cho khách hàng

CÁC GIẢI THƯỞNG, THÀNH TÍCH CỦA TÔN ĐÔNG Á



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ - Công ty Cổ phần Tôn Đông Á
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ - Cá nhân ông Nguyễn Thanh Trung - Chủ tịch HĐQT



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA - Công ty Cổ phần Tôn Đông Á
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA - Cá nhân ông Nguyễn Thanh Trung - Chủ tịch HĐQT



GIẢI VÀNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA



Vietnam Value
 THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA VIỆT NAM



TOP 50 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG XUẤT SẮC
TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM



TOP 5 CÔNG TY XÂY DỰNG VẬT LIỆU UY TÍN - NHÓM SẢN PHẨM: SẮT, THÉP, TÔN



HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO



GIẢI NHẤT CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG



TOP 10 CÔNG TY XÂY DỰNG VẬT LIỆU UY TÍN



TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM NĂM 2022 (HẠNG 52)

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép lá mạ kẽm màu, thép lá đen mạ màu, thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm màu (tôn lạnh màu).



Tôn Đông Á kinh doanh dòng sản phẩm **Tôn lạnh - Tôn màu** với các nhãn hàng KING /WIN/ SVIET đạt tiêu chuẩn JIS (Nhật Bản), BSEN (Châu Âu), AS (Úc), ASTM (Mỹ).



Tôn kẽm (Hot-dip zinc coated steel sheet in coil - GI), còn được gọi là thép mạ kẽm, là thép cán nguội được mạ kẽm. Tôn kẽm có khả năng chống ăn mòn cao trong môi trường tự nhiên. Tôn kẽm thường được dùng cho ngành công nghiệp xây dựng và dân dụng (xà gồ mái, xà gồ vách, tấm lót sàn, tấm lợp, vách ngăn, ống thông gió, nguyên liệu làm ống hộp) và ứng dụng trong ngành thiết bị gia dụng.



Tôn lạnh hay thép mạ nhôm kẽm (galvalume - GL) là thép cán nguội được mạ hợp kim nhôm kẽm với thành phần 55% Al, 43.5% Zn và 1.5% Si. Tôn lạnh có khả năng chống ăn mòn cao, phản xạ nhiệt tốt và có tuổi thọ cao, thường được dùng trong ngành công nghiệp xây dựng và dân dụng (như tấm lợp, vách ngăn, ván trần, cửa cuốn...) hay điện công nghiệp (như nhà, vỏ bọc của các thiết bị điện...) và trang trí nội thất.

Tôn màu là các sản phẩm tôn được phủ sơn như: Tôn đen màu (pre-painted cold rolled coil - PPCR), tôn kẽm màu (pre-painted galvanized - PPGI) và tôn lạnh màu (pre-painted galvalume - PPGL). Nguyên liệu đầu vào sau quá trình tẩy rửa sẽ được phủ một lớp phụ gia giúp làm tăng độ bám dính, sau đó phủ một lớp sơn lót trước khi sơn chính thức và sấy khô. Lớp sơn giúp cho tôn tăng khả năng chống chịu với môi trường, tạo tính thẩm mỹ. Tôn lạnh màu thường được dùng trong ngành công nghiệp xây dựng, dân dụng (như tấm lợp, vách ngăn, ván trần, cửa cuốn...) và trang trí nội thất.



Thép hộp mạ kẽm Tôn Đông Á là thép cán nguội được sử dụng công nghệ mạ kẽm với thành phần 99% Zn, sau đó sẽ được cán thành thép hộp mạ kẽm. Thép hộp mạ kẽm có bề mặt sáng bóng, bền hơn từ 4-5 lần ống thép đen. Tôn Đông Á hiện đang sản xuất thép hộp mạ kẽm ở 2 nhà máy đặt tại: tỉnh Long An và thành phố Đà Nẵng.

Thép cán nguội/ tôn đen (cold rolled coil - CRC) là thép carbon thấp được sử dụng làm bán thành phẩm để sản xuất sản phẩm tôn kẽm, tôn lạnh hay tôn đen màu.



Dòng sản phẩm KINGALUZIN



Dòng sản phẩm KINGCOLOR



Dòng sản phẩm KINGMAX



Dòng sản phẩm SVIETALUZIN



Dòng sản phẩm SVIETCOLOR



Dòng sản phẩm WINALUZIN

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tôn Đông Á có hệ thống phân phối trong và ngoài nước.

Hệ thống phân phối trong nước của Tôn Đông Á trải dài từ Nam ra Bắc với hơn **1.700** đại lý phân phối các sản phẩm. Khu vực từ Cà Mau ra tới Bình Định là thị trường trọng điểm được phân phối bởi Văn Phòng Đại diện Tôn Đông Á tại TP. Hồ Chí Minh và Bình Định. Miền Trung có Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng và khu vực phía Bắc có Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh đảm nhiệm.

Hệ thống phân phối của Tôn Đông Á hiện được chia thành bốn kênh bao gồm:

+ Kênh Cắt cán (khách hàng C1): Những Khách hàng giao dịch mua bán trực tiếp với Tôn Đông Á

+ Kênh Thương mại: Hiện Tôn Đông Á có 05 Nhà phân phối lớn, các Nhà phân phối sẽ phân phối sản phẩm Tôn Đông Á đến với Khách hàng là những Nhà máy cắt cán

+ Kênh Chuyên ngành (Công trình - Kẽm - Khung trần)

+ Nhóm các sản phẩm khác (Hàng loại 3 - 9, Thép hộp...)

Ngoài ra, Tôn Đông Á là công ty tiên phong trong việc cung ứng các sản phẩm chất lượng cao trên **50** quốc gia như Asean, Úc, Trung Đông, Châu Phi, Nhật Bản và Mỹ. Thế mạnh xuất khẩu của Tôn Đông Á tập trung vào dòng hàng chủ lực là GL và PPGL và đang dần mở rộng vị thế qua GI và PPGI trong thời gian ngắn sắp tới.

Tôn Đông Á bảo đảm chất lượng hàng hóa, chính sách bán hàng ổn định cũng như hỗ trợ các nhà phân phối làm bảng hiệu, chứng nhận đại lý, treo poster, gửi POSM. Khách hàng của Tôn Đông Á đang tăng lên về số lượng và chất lượng, độ phủ cũng như mức cam kết với thương hiệu.

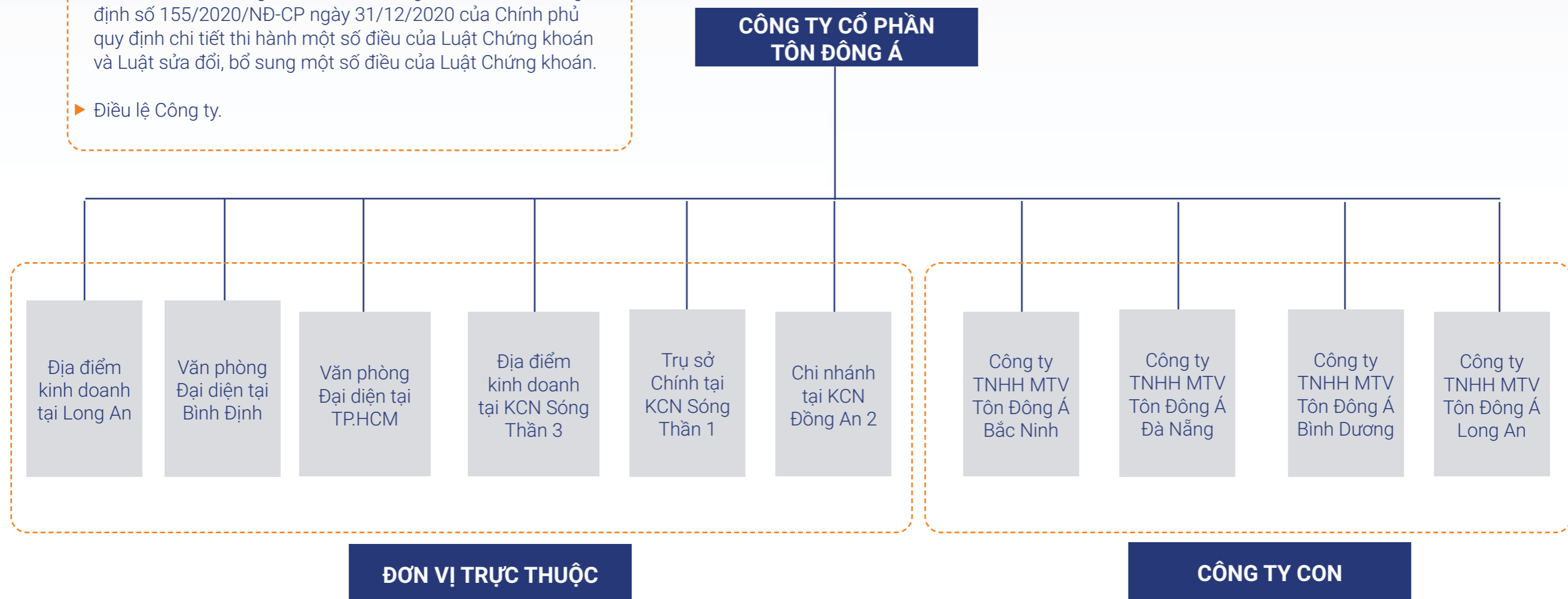


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

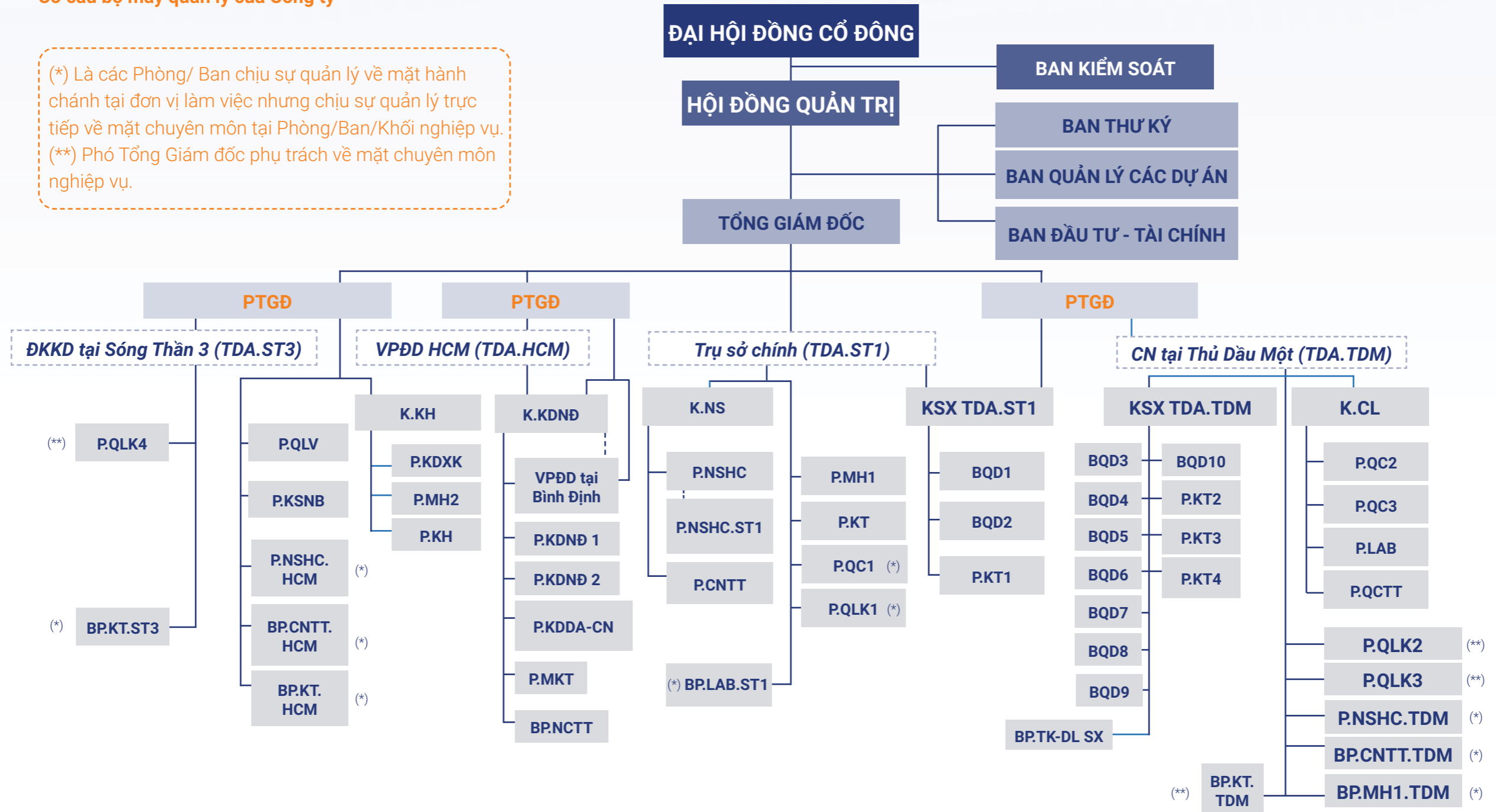
- ▶ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- ▶ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
- ▶ Điều lệ Công ty.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

(*) Là các Phòng/ Ban chịu sự quản lý về mặt hành chính tại đơn vị làm việc nhưng chịu sự quản lý trực tiếp về mặt chuyên môn tại Phòng/Ban/Khối nghiệp vụ.
 (**) Phó Tổng Giám đốc phụ trách về mặt chuyên môn nghiệp vụ.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng phát triển của Tôn Đông Á là phát triển bền vững, chú trọng vào chất lượng và uy tín thương hiệu:

Tôn Đông Á đặt ra chiến lược trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm thép lá mạ. Công ty phấn đấu trở thành niềm tự hào tôn Việt với các sản phẩm chất lượng cao khi chú trọng đầu tư các thiết bị có công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường. Tôn Đông Á hiểu rằng mỗi sản phẩm của Công ty sẽ là nền tảng cơ bản nhất cho mỗi công trình và những giá trị mà Tôn Đông Á muốn đem lại luôn đi theo tinh thần của slogan “cùng xây cuộc sống xanh”.

Để có thể trở thành doanh nghiệp sản xuất thép lá mạ hàng đầu, việc chủ động kiểm soát nguồn nguyên liệu đầu vào rất quan trọng. Vì vậy, Tôn Đông Á tập trung đầu tư phát triển nguyên liệu đầu nguồn,

chủ động kiểm soát được sản lượng đầu vào và ra nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Bên cạnh đó, Tôn Đông Á cũng đặt ra chiến lược mở rộng các sản phẩm thép lá mạ ứng dụng trong lĩnh vực xây dựng, thiết bị gia dụng, công nghiệp, giao thông vận tải, vươn tới những thị trường mới và đáp ứng nhiều hơn những nhu cầu của khách hàng.



Giá trị cốt lõi của mọi doanh nghiệp thành công phải đến từ văn hóa doanh nghiệp và nguồn nhân lực. Thấu hiểu triết lý đó, Tôn Đông Á xây dựng văn hóa doanh nghiệp mang tính nhân văn, minh bạch, gìn giữ uy tín, kích thích sự sáng tạo, thúc đẩy học hỏi và tăng trưởng, tích cực tham gia các hoạt động phát triển vì cộng đồng.

Tôn Đông Á đặt ra mục tiêu mở rộng thị trường, vươn tầm ảnh hưởng không chỉ đến thêm các tỉnh thành trong cả nước mà còn vươn ra xa thị trường quốc tế. Công ty đang tổ chức mở rộng cơ sở sản xuất và tăng cường kinh doanh ra các tỉnh thành trong cả nước bằng các hoạt động mở rộng chi

nhánh và tìm kiếm thêm khách hàng tại các địa bàn mới. Cùng với đó, Tôn Đông Á cũng đẩy mạnh xuất khẩu đến các thị trường quốc tế, đặc biệt là chinh phục các thị trường khó tính như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản. Kết quả xuất khẩu ấn tượng trong năm 2021 và tiếp tục duy trì trong năm 2022 là minh chứng cho tính đúng đắn của mục tiêu này.

Trong thời gian qua, Tôn Đông Á đã xây dựng hai nhà máy sản xuất thép lá mạ hiện đại ở hai Khu Công nghiệp Sóng Thần 1 và Đồng An 2. Các sản phẩm đã được chấp nhận bởi các khách hàng trong và ngoài nước khó tính nhất. Tiếp nối với thành công đó, Tôn Đông Á tiếp tục chiến lược đầu tư chiều sâu, phát triển sản lượng sản xuất, công nghệ, và mở rộng danh mục sản phẩm để đáp ứng nhu cầu cao của các ngành nghề xây dựng, công nghiệp.

CÁC RỦI RO

A. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Kết thúc năm 2021 với cột mốc doanh thu và lợi nhuận cao, bước sang năm 2022 Công ty đã gặp rất nhiều thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi được hưởng lợi từ các yếu tố vĩ mô. Trong năm 2022, với những bất ổn từ tình hình thế giới, đặc biệt là cuộc chiến tranh Nga – Ukraine, chính sách Zero - Covid của Trung Quốc, đồng thời, nỗi lo lạm phát cũng như suy thoái kinh tế bao trùm các nước trên thế giới đã khiến giá cả nguyên liệu, nhiên liệu... biến động liên tục, ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến chuỗi cung ứng toàn cầu, ngành thép chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các biến động này.

Quản trị rủi ro: Tôn Đông Á chủ động theo sát tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới, vận hành linh hoạt bộ máy nội bộ và phối hợp chặt chẽ với các đối tác bên ngoài để đưa ra đường lối chiến lược phù hợp nhất trong cả ngắn và dài hạn cho Công ty.

Rủi ro về lãi suất: đối với một doanh nghiệp sẽ xuất hiện khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận. Mức rủi ro về lãi suất là khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó. Lãi suất càng cao khi doanh nghiệp vay vốn để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh càng tạo nên nhiều khó khăn và rủi ro. Để phục vụ cho vốn lưu động của hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty sử dụng nguồn

vốn vay từ Ngân hàng với tỷ lệ trung bình 50% trên tổng tài sản phục vụ cho vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Đây là cơ cấu vốn tương đối an toàn nên những biến động của lãi suất (nếu có) tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần nào sẽ được hạn chế.

Quản trị rủi ro: Tôn Đông Á duy trì tỷ lệ đòn bẩy ở mức ổn định hiện tại và có các quy tắc riêng nhằm tối ưu hóa chi phí vốn khi mặt bằng lãi suất chung biến động lớn. Tôn Đông Á đánh giá trong năm 2023 lãi suất chung sẽ có xu hướng hạ nhiệt nhưng không biến động nhiều, do đó, ảnh hưởng đến chi phí vay của Tôn Đông Á sẽ không quá lớn so với 2022.

Rủi ro về tỷ giá: Trong hoạt động kinh doanh của Công ty, nguồn doanh thu và chi phí đáng kể đến từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu nguyên vật liệu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Quản trị rủi ro: Tôn Đông Á luôn kiểm soát và tính toán kỹ lưỡng về thời gian thực hiện cũng như thời hạn thanh toán của các kế hoạch đầu tư, kinh doanh, do đó, hạn chế rủi ro tỷ giá ở mức thấp nhất. Công ty cũng sẽ tính toán đến việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro chênh lệch tỷ giá trong tương lai nếu cần thiết bằng các phương pháp hợp đồng phái sinh.

B. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á là Công ty cổ phần đã đại chúng hóa, là đối tượng áp dụng và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Luật Đầu tư 2020, các văn bản hướng dẫn dưới luật, các văn bản chuyên ngành khác có liên quan và cả các Hiệp định thương mại tự do, các Công ước Quốc tế. Bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý liên quan đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty được giám sát bởi hệ thống các cơ quan nhà nước bao gồm: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), Tổng cục Thuế, Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực chứng khoán cũng đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ sự thay đổi nào về mặt chính sách sẽ có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Mặt khác, rủi ro này cũng xuất hiện khi các công ty không tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, thực hiện các hoạt động không được cho phép của pháp luật dẫn đến tổn thất và tổn hại uy tín của Công ty.

Quản trị rủi ro: Tôn Đông Á thường xuyên cập nhật các thay đổi, bổ sung, ban hành mới của hệ thống luật pháp Việt Nam và quốc tế. Ban Lãnh đạo và toàn thể người lao động, cán bộ công nhân viên cam kết làm việc trên tinh thần thượng tôn pháp luật, tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình lao động và sản xuất.

C. RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro về giá nguyên vật liệu và thành phẩm: Ngành thép và tôn mạ chịu rủi ro lớn về biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, cụ thể là giá thép cuộn cán nóng (HRC) do chi phí nguyên vật liệu này chiếm hơn 80% tổng chi phí đầu vào. Trong năm 2022, giá HRC chuyển biến bất thường khi tăng giảm đột ngột trong 4 tháng đầu năm và liên tục giảm sâu trong các tháng sau đó do các tác động tiêu cực và thách thức từ kinh tế và chính trị thế giới. Sự biến động của giá nguyên liệu đầu vào sẽ gây ảnh hưởng tới biên lợi nhuận của công ty.

Quản trị rủi ro: Với chính sách thu mua nguyên vật liệu đầu vào chặt chẽ và kinh nghiệm cao, Tôn Đông Á có thể hạn chế rủi ro về biến động giá HRC đầu vào, do giá thành phẩm bán ra được cố định cùng với thời điểm thu mua nguyên vật liệu để đảm bảo biên lợi nhuận.

Rủi ro về nguồn cung và cầu: Sự bất ổn về tình hình chính trị và kinh tế thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến chuỗi giá trị trong cả hoạt động sản xuất cũng như vận chuyển của hầu hết các ngành sản xuất, trong đó có ngành tôn mạ và thép. Đối với thị trường nội địa hiện tại, chỉ có hai doanh nghiệp có năng lực sản xuất sản phẩm HRC là Hòa Phát và Formosa Hà Tĩnh. Với tỷ lệ nội địa hóa chưa đủ cao, có rủi ro hiện hữu cho các doanh nghiệp tôn với việc nhập khẩu nguyên vật liệu.

Nhu cầu cho ngành tôn và vật liệu xây dựng nói chung chịu ảnh hưởng lớn từ xu hướng kinh tế thế giới. Đặc biệt, các động lực phát triển đến từ nhu cầu tăng trưởng tự thân từ ngành bất động sản cũng như các chính sách của chính phủ, đặc biệt tại những thị trường mới nổi, trong việc đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng. Các Công ty trong ngành thép cần kiểm soát tốt rủi ro trong việc đầu tư và kinh doanh tại thị trường nội địa và các thị trường xuất khẩu.

Quản trị rủi ro: Đội ngũ thu mua và bán hàng giàu kinh nghiệm, các mối quan hệ lâu dài và bền vững với các nhà cung ứng và khách hàng, kết hợp với việc hợp tác chiến lược với các ông lớn trong ngành thép thế giới như JFE và Posco giúp Công ty xây dựng chuỗi giá trị bền vững đảm bảo cung cầu ổn định để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

D. RỦI RO CẠNH TRANH

Đặc thù của ngành tôn là lĩnh vực kinh doanh đã có truyền thống rất lâu trên thị trường với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp có năng lực sản xuất kinh doanh có tầm cỡ. Các doanh nghiệp này cũng đang có kế hoạch triển khai nhiều dự án sản xuất tôn quy mô lớn. Trong trường hợp tổng quy mô công suất trong ngành phát triển nhanh hơn nhu cầu của thị trường,

sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp sẽ là một yếu tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh thép của Công ty.

E. RỦI RO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyên sản xuất thép cán nguội, tôn kẽm, tôn lạnh, tôn màu phục vụ cho ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng, hạ tầng giao thông, thiết bị gia dụng, Công ty đã tạo lập được vị thế vững chắc trên thị trường dựa trên nền tảng đội ngũ có nhiều kinh nghiệm. Công ty luôn chú trọng tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý có trình độ cao, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp.

F. RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Các rủi ro khác có thể kể đến như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, khủng bố... Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại do các rủi ro này gây ra như chủ động mua bảo hiểm, xây dựng các kịch bản ứng phó với khủng hoảng...



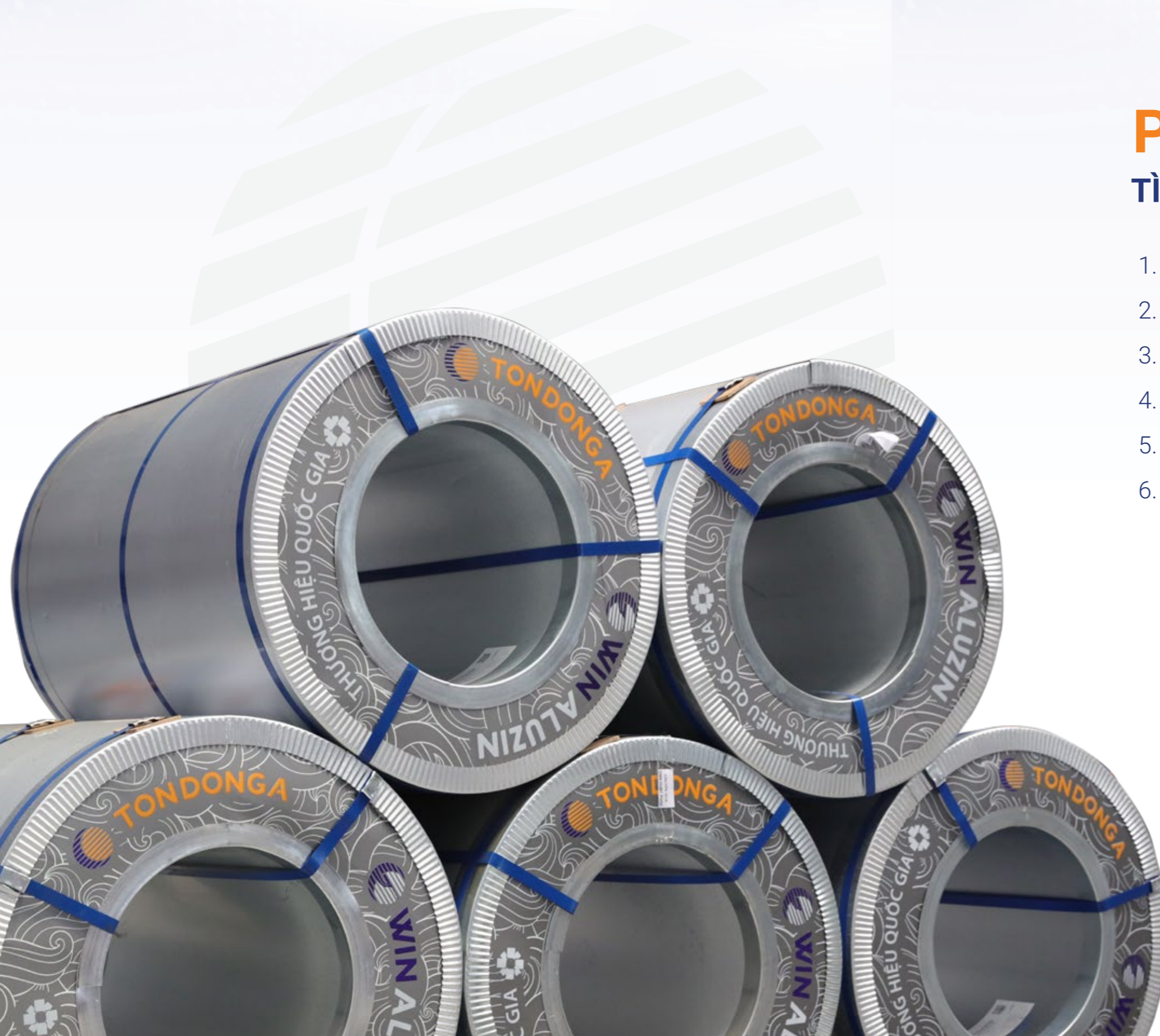
DẤU ẤN TÔN ĐÔNG Á 2022



PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất trong năm
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
4. Tình hình tài chính
5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

A. TÌNH HÌNH NGÀNH THÉP NĂM 2022

Tiếp nối đà tăng của năm 2021, giá thép tương đối ổn định cho đến tháng 4/2022 đến khi phát sinh sự bất ổn các yếu tố kinh tế vĩ mô thế giới, chiến tranh Nga-Ukraine, chính sách Zero - Covid của Trung Quốc và sự sụt giảm về nhu cầu tiêu dùng toàn cầu do lạm phát làm cho giá thép giảm mạnh. Thị trường tiêu thụ thép Việt Nam cũng diễn biến cùng chiều với giá thép khi nhu cầu giảm mạnh từ giữa năm, đặc biệt là giai đoạn quý 3/2022 mùa thấp điểm của ngành thép và thời điểm xảy ra các sự kiện bất ổn của ngành bất động sản. Bên cạnh đó, xuất khẩu thép năm 2022 cũng gặp nhiều trở ngại khi nhu cầu thế giới giảm sâu khiến giá bán phải giảm theo mặc dù giá nguyên liệu thô và chi phí sản xuất, vận chuyển vẫn đang ở mức cao.

B. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN MÀ DN ĐỐI MẶT TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD TRONG NĂM LÀM BÁO CÁO

Thuận lợi

- Năm 2022 khi làn sóng Covid-19 đã qua đi, kinh tế Việt Nam tiếp tục mở cửa để gia tăng sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, các doanh nghiệp nỗ lực tổ chức sản xuất kinh doanh trở lại tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời liên tiếp có những chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.
- Kinh tế năm 2022 có những bước tiến nhất định dù phải đối mặt với nhiều khủng hoảng, suy thoái và lạm phát toàn cầu. Tất cả các doanh nghiệp đều nỗ lực để lấy lại những gì đã mất, đồng thời doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm ứng phó với tình huống khó khăn, đặc biệt công tác chuyển đổi số (trong thời gian thích nghi với việc đóng cửa và thực hiện 3 tại chỗ) và tiết giảm chi phí sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh.
- Đầu năm 2022 thị trường nội địa đem lại kết quả nhất định với sản lượng ổn định. Tuy nhiên, đến giữa năm 2022 giá thép giảm liên tiếp trong 2 quý, nhưng với sự tích cực hỗ trợ từ chính phủ, đặc biệt thời điểm cuối năm bức tranh kinh tế Việt Nam có những điểm sáng tích cực với sự phục hồi mạnh mẽ của nhiều ngành nghề, khiến nhu cầu tiêu thụ tôn mạ lấy lại đà tăng.
- Ngoài ra, các chính sách hạn chế và cắt giảm thép của Trung Quốc, song song với các biện pháp siết chặt quản lý công nghệ - sản xuất của các cường quốc thép sẽ góp phần ủng hộ xuất khẩu của Việt Nam trong dài hạn. Đồng thời sức cầu nội địa sẽ bật tăng trở lại nhờ vào quyết tâm của Chính phủ thúc đẩy tiến độ thi công và giải ngân các dự án công trọng điểm, các dự án bất động sản và đầu tư công nghiệp gia tăng hàng loạt.

Khó khăn

- Khi đại dịch Covid-19 qua đi, ngoài một số các doanh nghiệp đang nỗ lực để trở lại, cũng có các doanh nghiệp phải dừng hoạt động ảnh hưởng phần nào đến chuỗi cung ứng trên toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng dẫn đến những biến động khó lường đối với ngành thép.
- Năm 2022 là một năm tình hình thị trường thép toàn cầu, khu vực ASEAN trong đó có Việt Nam diễn biến cực kỳ phức tạp khi nền kinh tế gặp nhiều bất ổn. Sau một năm lao đao vì đại dịch, cuộc chiến Nga - Ukraine cùng với bất ổn chính trị tại một số nước trên thế giới đã tác động lên toàn cầu về an ninh năng lượng, lạm phát tăng cao, chính sách thắt chặt tiền tệ và tăng lãi suất làm cho các ngành sản xuất, tiêu dùng và bất động sản tăng trưởng chậm lại, trong đó có các ngành công nghiệp sử dụng thép cùng với đó là giá thép đầu vào giảm, nhu cầu tiêu thụ thép giảm mạnh.

- Giá cả các loại nguyên vật liệu thô cho sản xuất thép tăng và duy trì ở mức cao, tuy nhiên giá bán đầu ra lại ở chiều ngược lại do nhu cầu suy giảm mạnh gây ra nhiều khó khăn cho các nhà sản xuất, đặc biệt là ảnh hưởng mạnh đến tâm lý thị trường.
- Tại thị trường nội địa, giai đoạn từ cuối tháng 4 kéo dài đến tháng 01/2023 là giai đoạn trầm lắng nhất của toàn ngành khi nhu cầu xây dựng ở mức tối thiểu do các vấn đề như: diễn biến tiêu cực trong kinh tế - chính trị liên tiếp xảy ra; ngành bất động sản toàn thế giới sụt giảm và trở nên trì trệ; các chính sách tài chính và lãi suất thay đổi kém tích cực dẫn đến thanh khoản và dòng tiền giảm; lạm phát và chi phí vận chuyển tăng cao; áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành tăng cao khi nhu cầu tiêu thụ thép sụt giảm trong nội địa và xuất khẩu; tâm lý thị trường trở nên tiêu cực.
- Vấn đề an ninh năng lượng và lạm phát cũng là điều cần lưu ý cho toàn thị trường năm 2023, hệ quả chi phí và giá cả các mặt hàng sẽ tăng cao, nhưng điều này cũng ủng hộ cho ngành tôn thép thiết lập mặt bằng giá và quỹ đạo mới.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Năm 2022 là năm đầy biến động với toàn ngành kinh tế nói chung và ngành tôn mạ nói riêng, nhưng bằng sự kiên định trong định hướng và sự linh hoạt ứng phó với thị trường, Tôn Đông Á đã hạn chế được những rủi ro nhất định và duy trì được vị trí top 3 thị phần trong ngành tính chung thị trường nội địa và xuất khẩu.

Với sản lượng tiêu thụ năm 2022 khoảng 95% so với kế hoạch đề ra, doanh thu thuần của Tôn Đông Á trong năm 2022 đạt 85,6% so với cùng kỳ, kết quả kinh doanh lỗ.

Năm 2022, Tôn Đông Á đã đẩy mạnh nhiều chiến lược trọng tâm và thực hiện xuyên suốt trong quá trình sản xuất kinh doanh. Công ty củng cố vững chắc hệ thống quản trị và lấy nền tảng đó để quản lý bộ máy sản xuất, kinh doanh trải khắp nhiều tỉnh thành trên cả nước. Đối với một doanh nghiệp sản xuất thì việc tối ưu hóa chi phí là rất quan trọng và Tôn Đông Á cho rằng chính năng lực kiểm soát chi phí hiệu quả đã giúp Công ty hạn chế được rủi ro. Bên cạnh đó, Tôn Đông Á tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh đầu ra với việc phát triển Hệ thống phân phối vững mạnh với hơn 1.700 đại lý toàn quốc, cùng mạng lưới khách hàng truyền thống trong nước và nước ngoài. Tôn Đông Á cũng tiếp tục hoàn chỉnh bộ nhận diện thương hiệu, trong đó có Bộ nhãn hàng sản phẩm KING/WIN/SVIET và KINGMAX được phổ biến rộng rãi đến người tiêu dùng. Để nâng cao sức nhận diện thương hiệu và lan tỏa giá trị "cùng xây cuộc sống xanh", Tôn Đông Á cũng đóng góp tích cực vào các hoạt động thiện nguyện, hoạt động xã hội như xây cầu, làm đường, đồng hành với các quỹ hỗ trợ học sinh – sinh viên và các gia đình có hoàn cảnh khó khăn,....

Thành quả lớn nhất mà Tôn Đông Á đạt được chính là sự tín nhiệm, sự đánh giá cao về chất lượng sản phẩm và dịch vụ mà Tôn Đông Á đem lại cho khách hàng cũng như uy tín thương hiệu ngày một cao trên thị trường. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục duy trì và phát huy những điểm sáng trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, hướng tới năm 2023 ổn định và thành công hơn.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

A. THỐNG KÊ NHÂN SỰ

Tính đến 31/12/2022, Công ty có 1.470 lao động ký Hợp đồng trực tiếp với Công ty. Trong đó:

STT	Tiêu chí	Số lượng năm 2021 (người)	Số lượng năm 2022 (người)	Tỷ trọng 2022
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	348	348	23,67%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	533	520	35,37%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	594	602	40,95%
4	Lao động phổ thông			
II	Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	1.005	1.011	68,78%
2	Lao động gián tiếp	470	459	31,22%
III	Theo giới tính			
1	Nam	1.260	1.257	85,51%
2	Nữ	215	213	14,49%
	Tổng cộng	1.475	1.470	100%

B. CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

- Chính sách tiền lương thù lao, phụ cấp của Tôn Đông Á được xây dựng với mục tiêu: công bằng, nâng cao hiệu quả làm việc và tăng cường sự gắn bó lâu dài của các thành viên. Mức lương và phụ cấp của Tôn Đông Á được trả căn cứ vào vị trí công việc (mỗi vị trí đòi hỏi mức độ kiến thức, kỹ năng, độ thách thức cũng như trách nhiệm khác nhau) hiệu quả làm việc và thâm niên làm việc của nhân viên. Tất cả vị trí công việc đều được phân tích, đánh giá chi tiết và xếp vào một hệ thống thống nhất trong toàn Công ty. Hàng năm, mức cạnh tranh mặt bằng lương cũng như thu nhập cho từng vị trí công việc đều được Phòng Nhân sự đánh giá, xem xét và điều chỉnh phù hợp.
- 100% người lao động làm việc tại Công ty đều được hưởng các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật; định kỳ khám sức khỏe 1 năm/ lần; Tổ chức và tham gia các hoạt động team building, tham quan dã ngoại, các hoạt động văn nghệ, thể thao hàng năm...
- Công ty vẫn duy trì chính sách mua bảo hiểm y tế chất lượng cao cho các cấp quản lý.
- Ngoài ra, Ban lãnh đạo Tôn Đông Á rất quan tâm thăm hỏi và bồi dưỡng cán bộ nhân viên Công ty những lúc ốm đau hay gia đình có tang gia, hiếu hỷ.

Chính sách tuyển dụng

- Hàng năm, Phòng Hành chính Nhân sự xây dựng kế hoạch tuyển dụng dựa trên nhu cầu phát triển của Tôn Đông Á; Thực hiện chính sách tuyển dụng tìm kiếm và thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, đạo đức tốt, giỏi ngoại ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật...), phù hợp với văn hóa Công ty.
- Việc tuyển dụng người lao động đều có kế hoạch và phải được công khai về số lượng, tiêu chuẩn, hình thức và kết quả tuyển dụng. Việc quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc đối với cán bộ quản lý và người lao động được công khai tại nơi làm việc.

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

- Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hóa cao trong tất cả các bộ phận công tác, Ban lãnh đạo Tôn Đông Á luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cán bộ nhân viên phát triển toàn diện cả về năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc, mà còn qua đào tạo, tự đào tạo và trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc Công ty liên tục tổ chức các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo, hỗ trợ kinh phí đào tạo cho cán bộ nhân viên Công ty trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật; tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, thúc đẩy phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.
- Tại Tôn Đông Á, hoạt động phát triển nguồn nhân lực thực hiện qua các nội dung: Xây dựng chiến lược đào tạo phát triển nguồn nhân lực; ban hành Quy chế, quy trình tuyển dụng; Cơ chế thu hút, đãi ngộ người lao động (bao gồm cả chế độ riêng đối với các đối tượng có năng lực); Chính sách thu hút sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi các trường đại học về Tôn Đông Á làm việc; chính sách hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với một số đối tác chiến lược để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất kinh doanh.
- Hiện tại Công ty đang thực hiện dự án xây dựng Khung năng lực cho tất cả các vị trí công việc để hướng tới thực hiện việc đánh giá, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng chính sách tiền lương, phúc lợi hiệu quả hơn.

Chính sách an toàn, bảo hộ lao động

- Công tác an toàn sức khỏe môi trường (ATSKMT) là trách nhiệm hàng đầu của tất cả các cấp quản lý và là bộ phận quan trọng trong công tác quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tôn Đông Á sẽ áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại trừ hoặc giảm thiểu tối đa các rủi ro gây thương tật hoặc tác hại đối với sức khỏe con người, gây thiệt hại tài sản hoặc ô nhiễm môi trường.
- **Để đạt được các mục tiêu trên, Tôn Đông Á cam kết thiết lập và duy trì một hệ thống ATSKMT đảm bảo:**

- ▶ Tuân thủ pháp luật và đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan. Bảo đảm các hoạt động, các sản phẩm và dịch vụ của mình đáp ứng đạt chuẩn mực công nghiệp được thừa nhận.
- ▶ Cung cấp các nguồn lực, hệ thống, các quy trình cần thiết để thiết lập và duy trì mức rủi ro thấp nhất về ATSKMT. Kiểm soát chặt chẽ các yếu tố nguy hiểm có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thiệt hại tài sản, tổn thất sản xuất, ô nhiễm môi trường;
- ▶ Tạo thuận lợi cho việc trao đổi với cán bộ công nhân viên, nhà thầu, khách hàng, nhà cung cấp và những người liên quan về vấn đề cải thiện công tác ATSKMT. Khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác ATSKMT, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;
- ▶ Đào tạo cho CB-CNV Công ty các kiến thức về công tác ATSKMT phù hợp với công việc được giao;
- ▶ Đảm bảo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp được xây dựng và duy trì có hiệu quả, đủ năng lực ứng cứu trong các trường hợp khẩn cấp;
- ▶ Định kỳ kiểm tra, xem xét, đánh giá công tác quản lý và kết quả thực hiện công tác ATSKMT để cải tiến liên tục.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Tên dự án	Dự án đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời
2	Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á
3	Hình thức đầu tư	Hợp đồng mua và lắp đặt thiết bị từ nhà cung cấp
4	Mục tiêu đầu tư	Tiết kiệm chi phí tiêu thụ điện
5	Quy mô dự án	4,5 MegaWatt Pick
6	Địa điểm thực hiện dự án	Nhà máy TDA.TDM - KCN Đồng An 2 - Bình Dương Nhà máy TDA.LA - KCN Nhật Chánh - Long An
7	Tổng mức đầu tư dự án	64 tỷ đồng
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	3/2023 - 7/2023

STT	Chỉ tiêu	Thông tin chi tiết
1	Tên dự án	Dự án Nhà Máy . TDA-PV
2	Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Tôn Đông Á Công ty TNHH Posco Việt Nam
3	Hình thức đầu tư	Liên doanh
4	Mục tiêu đầu tư	Sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh và mạ màu cung ứng cho ngành xây dựng, sản xuất thiết bị gia dụng và ô tô
5	Quy mô dự án	1.2 triệu tấn /năm
6	Địa điểm thực hiện dự án	Khu Công Nghiệp Phú Mỹ 2 , Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu
7	Tổng mức đầu tư dự án	7.000 tỷ đồng
8	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	Giai đoạn 1 : 350,000 tấn/năm (2024 - 2026) Giai đoạn 2: 200,000 tấn/năm (2025 - 2027) Giai đoạn 3: 650.000 tấn/năm (2027 - 2029)



CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT KINH DOANH

A. DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON CỦA TÔN ĐÔNG Á

STT	Công ty con	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương	Lô CN16, Ô số 9-10, đường số 6, KCN Sóng Thần 3, P. Phú Tân, Tp. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	42.600.000.000	100%
2	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An	Lô D9, đường số 4, KCN Nhựt Chánh, xã Nhựt Chánh, H. Bến Lức, T. Long An	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác (trừ vàng miếng)	43.000.000.000	100%
3	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Đà Nẵng	Lô E2, đường số 7, KCN Hòa Khánh, Q.Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác (trừ vàng miếng)	25.000.000.000	100%
4	Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh	Nhà RBF-Q, Khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, X. Đại Đồng, H. Tiên Du, T. Bắc Ninh	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm sắt thép, kẽm thỏi, các kim loại và hợp kim khác (trừ vàng miếng)	9.000.000.000	100%

B. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ HĐKD CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty	2022		2021	
	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh	727.199	2.648	857.385	12.067
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng	622.769	-10.663	513.238	10.214
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An	685.617	-5.785	660.122	11.687
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương	112.970	-14.539	107.475	6.424

*đơn vị tính triệu đồng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

*đơn vị tính triệu đồng

Chỉ tiêu	2022	2021	+/-
Tổng giá trị tài sản	10.305.550	12.648.114	-19%
Doanh thu thuần	21.614.485	25.261.747	-14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-300.912	1.478.824	-120%
Lợi nhuận khác	8.347	24.672	-66%
Lợi nhuận trước thuế	-292.565	1.503.496	-119%
Lợi nhuận sau thuế	-276.508	1.209.808	-123%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	-2.466	11.047	

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021 và BCTC năm 2022 của Công ty cổ phần Tôn Đông Á

Năm 2022, kết quả kinh doanh không đạt như kỳ vọng và giảm mạnh so với cùng kỳ. Từ quý 1/2022 giá thép đầu vào tăng nhanh chóng do sự bất ổn giữa Nga - Ukraine, tuy nhiên sau đó lại quay đầu và liên tục giảm mạnh kể từ tháng 5/2022 do chính sách đóng cửa vì Covid của Trung Quốc. Cùng với sự biến động về tỷ giá, lãi suất tăng, tình hình khó khăn của ngành bất động sản và nhu cầu sụt giảm đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Với tình hình không thuận lợi đó dẫn đến doanh thu thuần giảm 14,4% so với cùng kỳ và kết quả kinh doanh lỗ lần đầu tiên trong lịch sử.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn = $TSLĐ/NNH$	Lần	1,10	1,06
Hệ số thanh toán nhanh = $(TSLĐ-HTK)/NNH$	Lần	0,61	0,56
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,67	0,73
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,99	2,66
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản = $DTT/Tổng TS$ bình quân	Vòng	5,32	6,65
Vòng quay vốn lưu động = $DTT/Tổng TSNH$ bình quân	Vòng	2,59	3,53
Vòng quay hàng tồn kho = $GVHB/HTK$ bình quân	Vòng	1,88	2,41
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-1,28%	4,79%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-8,01%	41,19%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	%	-2,41%	11,53%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-3,70%	5,85%

ĐÁNH GIÁ

KHẢ NĂNG THANH TOÁN NGẮN HẠN

Tổng quan năm 2022, chỉ số thanh toán của công ty cao hơn so với năm 2021 cụ thể chỉ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,06 lên 1,10 lần và hệ số thanh toán nhanh từ 0,56 lần lên 0,61 lần. Trong năm 2022, khoản phải thu cho vay tăng mạnh so với cùng kỳ do Công ty tận dụng dòng tiền nhàn rỗi ngắn hạn từ hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế để tối ưu hóa nguồn doanh thu trong kỳ. Khoản nợ phải trả khách hàng giảm 46,3% và mức nợ ngắn hạn của công ty năm nay được ghi nhận tăng 37.58% so với cùng kỳ khiến cho tỉ số về khả năng thanh toán không được cải thiện quá nhiều. Hiện tại, Tôn Đông Á sử dụng đòn bẩy tài chính từ nguồn vốn vay để tối ưu hóa tăng trưởng về doanh thu nên với hệ số thanh toán trên 1 có thể coi là mức an toàn đối với Công ty mang tính sản xuất cao như Tôn Đông Á.

CƠ CẤU VỐN

Năm 2022, hệ số nợ/ Tổng tài sản của công ty giảm từ 0,73 lần xuống 0,67 lần; hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu giảm từ 2,66 lần xuống 1,99 lần. Tổng nợ của công ty giảm nhiều so với cùng kỳ do tiêu thụ và sản lượng giảm, dẫn đến nhu cầu vay vốn lưu động và nợ phải trả giảm. Tỉ lệ nợ vay / tài sản và tỉ lệ nợ vay / vốn chủ sở hữu còn có xu hướng giảm dần thể hiện công ty có hệ

số công nợ ở mức an toàn và kiểm soát tốt mức nợ phải trả đảm bảo sức khỏe tài chính ổn định. Đây cũng là tỉ lệ nợ cần thiết do Công ty đang trong giai đoạn mở rộng, tăng trưởng mạnh về doanh thu. Công ty có đủ nguồn lực để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính cả trong ngắn và dài hạn. Tôn Đông Á tiếp tục duy trì quản trị và cân đối tỉ lệ sử dụng đòn bẩy tài chính để đảm bảo sức khỏe tài chính lâu dài của Công ty.

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2022, chỉ số về năng lực hoạt động giảm so với cùng kỳ. Trong bối cảnh điều kiện kinh doanh khó khăn thì các chỉ số này giảm là tương đối hợp lý so với năm 2021 thị trường ngành thép tương đối thuận lợi.

KHẢ NĂNG SINH LỜI

Các chỉ số ROS, ROA giảm mạnh trong năm so với cùng kỳ do kết quả kinh doanh kém khả quan trong tình hình tiêu thụ của thị trường sụt giảm bên cạnh chi phí và lãi suất đầu vào tăng cao. Các chỉ số hiệu quả về doanh thu và lợi nhuận được dự báo sẽ dần cải thiện trong năm 2023 bởi tiêu chí và đầu tư của HĐQT về mặt quản trị đầu vào, đầu ra cũng như phát triển mở rộng doanh nghiệp.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

A. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Cổ phiếu phổ thông	114.691.510	100%	269
	Cổ đông trong nước	87.491.505	76,28%	262
1	Tổ chức	5.356.164	4,67%	4
	Cá nhân	82.135.341	71,61%	258
2	Cổ đông nước ngoài	27.200.005	23,72%	7
	Tổ chức	26.925.005	7,44%	6
	Cá nhân	275.000	16,27%	1
II	Cổ phiếu ưu đãi	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	114.691.510	100	269



B. CÁC CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Chỉ tiêu	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Nguyễn Thanh Trung	37.392.640	32,60%
2	Lê Thị Phương Loan	12.303.790	10,73%
3	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	7.529.714	6,57%
4	Công ty TNHH Thương mại JFE Shoji Việt Nam	8.536.000	7,44%

C. THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu CTCP Tôn Đông Á
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	GDA
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	114.691.510 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	53.235.999 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	61.455.511 cổ phiếu

D. QUÁ TRÌNH TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

Công ty được thành lập dưới hình thức Công ty cổ phần vào năm 2009 với số vốn điều lệ là 120 tỷ đồng. Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện 13 đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, chi tiết như sau:

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn
Lần đầu	2009	120.000		Góp vốn thêm bằng tiền mặt và chuyển đổi thành công ty cổ phần	
1	2009	200.700	80.700	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để trả cổ tức	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán công nợ giữa Công ty và Công ty Posco - Việt Nam
	2010			Phát hành riêng lẻ	
	2011				
2	2012	229.753	29.053	Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, nhà đầu tư mới	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK4 tại nhà máy KCN Đồng An II
	2012			Phát hành cổ phiếu ESOP	
	2013				
3	2013	302.253	72.500	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK4, CK5, CK6 và dây chuyền cán nguội CN2 tại nhà máy KCN Đồng An II
	2014			Phát hành cổ phiếu ESOP	
	2015				
	2014				
2015					
4	2015	312.552	10.299	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn
5	2016 2017	362.423	49.871	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2 và dây chuyền màu CM4 tại nhà máy KCN Đồng An II
	2016 2017			Phát hành cổ phiếu ESOP	
6	2017	724.845	362.422	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	
7	2017	740.920	16.075	Phát hành cổ phiếu ESOP	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK6 và dây chuyền mạ màu CM4 tại nhà máy KCN Đồng An II
8	2017 2018	816.555	75.635	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2; dây chuyền màu CM4; nhà kho và vật tư, phụ tùng, thiết bị, máy móc tại nhà máy KCN Đồng An II
9	2017 2018	859.055	42.500	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2; dây chuyền màu CM4; nhà kho và vật tư, phụ tùng, thiết bị, máy móc tại nhà máy KCN Đồng An II

Đợt tăng vốn	Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn tăng thêm (triệu đồng)	Hình thức tăng vốn	Mục đích sử dụng vốn
10	2018	886.471	27.416	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	Xây dựng, lắp đặt hệ thống dây chuyền mạ nhôm kẽm CK5, CK6; dây chuyền cán nguội CN2; dây chuyền màu CM4; nhà kho và vật tư, phụ tùng, thiết bị, máy móc tại nhà máy KCN Đồng An II
11	2019 2020	975.098	88.627	Chia cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 10%)	
12	2021	1.023.228	48.130	Phát hành cổ phiếu ESOP	Bổ sung nguồn vốn lưu động hoặc đầu tư nhà máy 3
13	2022	1.146.915	123.687	Chào bán IPO	Bổ sung nguồn vốn lưu động và kế hoạch đầu tư

E. THÔNG TIN VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định pháp luật: **49%**
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: **49%**
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty hiện nay: **23,72%**



Lãnh đạo và tập thể Tôn Đông Á tại lễ khai mạc Cúp Truyền Hình TP.HCM - HTV - Tôn Đông Á

PHẦN III

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đặc điểm môi trường kinh doanh năm 2022
2. Những nét nổi bật trong kết quả HĐSXKD
3. Tình hình tài chính
4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023



ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2022

A. BỐI CẢNH CHUNG

- ▶ Năm 2022, nền kinh tế trong nước và thế giới phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do hệ quả của dịch bệnh Covid 19, bất ổn chính trị, chiến tranh thương mại, chính sách Zero - Covid của Trung Quốc và chính sách thắt chặt tiền tệ là những nhân tố ảnh hưởng đến nền kinh tế nói chung và ngành thép nói riêng.
- ▶ Giá thép trong nước giảm theo xu hướng của thế giới do nhu cầu và giá nguyên liệu đầu vào đều giảm. Hầu hết các nhà máy thép đều ở trong tình trạng khó khăn do tồn kho cao, mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt.
- ▶ Sự phục hồi của nhu cầu thời điểm giữa - cuối năm bị cản trở bởi áp luật lãi suất tăng, các ngân hàng siết chặt tín dụng, thị trường bất động sản khó khăn kéo dài và tâm lý e dè, thận trọng của khách hàng trước nhiều dự báo về suy thoái và khó khăn của kinh tế.
- ▶ Cuối quý 4 năm 2022 thị trường trong nước có những điểm sáng tích cực với nhu cầu trở lại sau thời gian dài hàng tồn kho trên thị trường ở mức thấp, bên cạnh yếu tố giá thép nguyên liệu có xu hướng tăng mạnh.
- ▶ Hiệp định TPP và EVFTA thúc đẩy hoạt động thương mại giữa Việt Nam và các nước.

B. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY

- ▶ Khi đại dịch Covid-19 qua đi, ngoài một số các doanh nghiệp đang nỗ lực để trở lại, cũng có các doanh nghiệp phải dừng hoạt động ảnh hưởng phần nào đến chuỗi cung ứng trên toàn cầu nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng dẫn đến những biến động khó lường đối với ngành thép.
- ▶ Năm 2022 là một năm mà tình hình thị trường thép toàn cầu, khu vực ASEAN trong đó có Việt Nam diễn biến cực kỳ phức tạp.
- ▶ Cuộc chiến Nga - Ukraine cùng với bất ổn chính trị tại một số nước trên thế giới đã tác động lên toàn cầu về an ninh năng lượng, lạm phát tăng cao, chính sách thắt chặt tiền tệ cùng với đó là giá thép đầu vào giảm, nhu cầu tiêu thụ thép giảm mạnh.
- ▶ Giá cả các loại nguyên vật liệu thô cho sản xuất thép tăng và duy trì ở mức cao, tuy nhiên giá bán đầu ra lại ở chiều ngược lại do nhu cầu suy giảm mạnh gây ra nhiều khó khăn cho các nhà sản xuất, đặc biệt là ảnh hưởng mạnh đến tâm lý thị trường.
- ▶ Tại thị trường nội địa, giai đoạn từ cuối tháng 4 kéo dài đến tháng 01/2023 là giai đoạn trầm lắng nhất của toàn ngành khi nhu cầu xây dựng ở mức tối thiểu do các vấn đề như: diễn biến tiêu cực trong kinh tế - chính trị liên tiếp xảy ra; ngành bất động sản toàn thế giới sụt giảm và trở nên trì trệ; các chính sách tài chính và lãi suất thay đổi kém tích cực dẫn đến thanh khoản và dòng tiền giảm; lạm phát và chi phí vận chuyển tăng cao; áp lực cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành tăng cao khi nhu cầu tiêu thụ thép sụt giảm trong nội địa và xuất khẩu; tâm lý thị trường trở nên tiêu cực.
- ▶ Công ty củng cố vững chắc hệ thống quản trị và lấy nền tảng đó để quản lý bộ máy sản xuất, kinh doanh trải khắp nhiều tỉnh thành trên cả nước, quản trị chi phí đã giúp Công ty hạn chế được rủi ro. Tôn Đông Á tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh đầu ra với việc phát triển Hệ thống phân phối vững mạnh toàn quốc, cùng mạng lưới khách hàng truyền thống trong nước và nước ngoài.
- ▶ Công ty đã chủ động, linh hoạt ứng phó với sự biến động tăng/giảm của tỷ giá USD/VND làm giảm gánh nặng chi phí tài chính.
- ▶ Công ty đã chỉ đạo kịp thời và nhanh chóng về quản trị hàng tồn kho một cách hiệu quả, đảm bảo duy trì mức tồn kho hợp lý trong thực trạng giá thép cán nóng (HRC) giảm mạnh, hạn chế rủi ro giảm giá liên tục nhưng vẫn đảm bảo nhu cầu khách hàng.

NHỮNG TIẾN BỘ TÔN ĐÔNG Á ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2022 SO VỚI NĂM 2021

- ▶ Trong năm 2022, Tôn Đông Á đã có sự chuyển đổi linh hoạt cơ cấu thị trường trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị hết sức phức tạp, và chuỗi cung ứng toàn cầu vẫn còn nhiều điểm đứt gãy, Công ty vẫn giữ được thế mạnh và tận dụng được những lợi thế riêng của ngành để đạt được kết quả kinh doanh ổn định.
- ▶ Tôn Đông Á đã vươn lên vị trí thứ 2 thị phần các doanh nghiệp sản xuất tôn mạ kim loại và sơn phủ màu, và nhiều năm liền giữ vững vị trí top 2 thị phần nội địa (trích nguồn: Hiệp hội thép Việt Nam).
- ▶ Đạt được giải thưởng Top 10 Vật liệu xây dựng uy tín năm 2022 (xếp hạng 10).
- ▶ Đạt được thành tích Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2022 (xếp hạng 52).
- ▶ Đây cũng là năm mà Tôn Đông Á duy trì ổn định thị trường xuất khẩu trong giai đoạn khá yếu của thị trường quốc tế. Đặc biệt lượng hàng xuất khẩu xuất vào thị trường khó tính: Mỹ và Châu Âu vẫn ổn định và gia tăng cho thấy sản phẩm của Tôn Đông Á ngày càng được nâng cao về chất lượng đáp ứng những yêu cầu khó khăn của khách hàng về tiêu chuẩn cũng như đa dạng sản phẩm.
- ▶ Tôn Đông Á tiếp tục củng cố và ổn định hệ thống phân phối tại thị trường nội địa với 4 công ty thành viên và 2 văn phòng đại diện là đầu cầu phân phối hàng hóa đến hơn 1.700 đại lý khắp từ Nam ra Bắc. Đặc biệt, trong Quý 2/2022 Tôn Đông Á đã ra mắt và chính thức hoạt động App bán hàng, được khách hàng đánh giá rất cao với nhiều chương trình, hoạt động tương tác trực tiếp, gắn kết giữa Công ty và đại lý. Công ty vẫn duy trì đẩy mạnh truyền thông nhằm tăng tính nhận diện thương hiệu của Tôn Đông Á và các nhãn hàng KING-WIN-SVIET. Tôn Đông Á luôn đồng hành và tiếp sức, chung tay cùng cộng đồng trong các công tác thiện nguyện, hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp đỡ học sinh, sinh viên vượt khó nhằm lan tỏa giá trị "cùng xây cuộc sống xanh".
- ▶ Áp dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh, quản lý, hành chính, lưu trữ và truyền tải thông tin.
- ▶ Hoàn thành chào bán IPO với tổng giá trị 614 tỷ VND và tăng vốn chủ sở hữu 495 tỷ VND phục vụ vốn lưu động và kế hoạch phát triển của Công ty.
- ▶ Được cơ quan chứng khoán chấp thuận trở thành Công ty đại chúng và cấp mã chứng khoán GDA. Công ty đang thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch chứng khoán cho cổ phiếu GDA.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

A. TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Chỉ tiêu	2022 (triệu đồng)	Tỷ trọng	2021 (triệu đồng)	Tỷ trọng	Thay đổi
A - Tài sản ngắn hạn	7.410.178	71,90%	9.281.097	73,38%	-20,16%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	829.814	8,05%	544.359	4,30%	52,44%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.162.000	11,28%	1.625.389	12,85%	-28,51%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.964.647	19,06%	2.519.798	19,92%	-22,03%
IV. Hàng tồn kho	3.290.691	31,93%	4.427.017	35,00%	-25,67%
V. Tài sản ngắn hạn khác	163.026	1,58%	164.533	1,30%	-0,92%
B - Tài sản dài hạn	2.895.372	28,10%	3.367.017	26,62%	-14,01%
I. Các khoản phải thu dài hạn	6.372	0,06%	4.867	0,04%	30,93%
II. Tài sản cố định	2.541.112	24,66%	2.834.482	22,41%	-10,35%
III. Tài sản dở dang dài hạn	3.176	0,03%	3.106	0,02%	2,24%
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	30.640	0,30%	199.640	1,58%	-84,65%
V. Tài sản dài hạn khác	314.072	3,05%	324.923	2,57%	-3,34%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	10.305.550	100,00%	12.648.114	100,00%	-18,52%

Tài sản trong kì giảm 18,52% đạt 10,306 tỷ đồng, phần lớn do giảm tài sản ngắn hạn 20,16% so với cùng kỳ 2021 và tài sản ngắn hạn chiếm đến 71,90% cơ cấu tổng tài sản. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng cao từ các dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền gửi. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất là hàng tồn kho chiếm đến 31,93%, giảm 25,67% so với cùng kỳ và phải thu ngắn hạn chiếm 19,92%, giảm 22,03% so với năm 2021. Lượng hàng tồn kho giảm phần nhiều liên quan đến chiến lược cắt giảm hàng tồn kho trong giai đoạn thị trường sụt giảm, ngoài ra giá đơn vị sản phẩm giảm và nhu cầu sản xuất kinh doanh giảm dẫn đến nhu cầu mua nguyên liệu hàng tồn giảm.

Bên cạnh đó, doanh thu giảm do nhu cầu thị trường yếu dẫn đến cơ cấu khoản phải thu trong tài sản ngắn hạn giảm. Tài sản dài hạn trong năm 2022 giảm 14% so với cùng kỳ phần lớn là khoản khấu hao tài sản cố định. Tỷ lệ giảm lớn nhất là các khoản đầu tư dài hạn được chuyển sang đầu tư ngắn hạn theo quy định hiện hành của kế toán. Đây là khoản trái phiếu được phát hành bởi các Ngân hàng, góp phần làm tăng lợi nhuận ổn định cho Công ty. Cơ cấu tài sản của Tôn Đông Á phù hợp với giai đoạn sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

B. TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Chỉ tiêu	2022 (triệu đồng)	Tỷ trọng	2021 (triệu đồng)	Tỷ trọng	Thay đổi
C - NỢ PHẢI TRẢ	6.857.008	66,54%	9.196.196	72,71%	-25,44%
I. Nợ ngắn hạn	6.766.307	65,62%	8.745.066	69,14%	-22,63%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1.263.889	12,26%	2.351.948	18,60%	-46,26%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	47.557	0,46%	58.614	0,46%	-18,86%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	78.471	0,76%	108.732	0,86%	-27,83%
4. Phải trả người lao động	19.915	0,19%	37.665	0,30%	-47,13%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22.010	0,21%	6.449	0,05%	241,29%
6. Phải trả ngắn hạn khác	12.141	0,12%	2.336.109	18,47%	-99,48%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.265.966	51,10%	3.827.538	30,26%	37,58%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	56.358	0,55%	18.010	0,14%	212,92%
II. Nợ dài hạn	90.701	0,88%	451.130	3,57%	-79,89%
1. Phải trả người bán dài hạn					
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	35.016	0,34%	451.130	3,57%	-92,24%
3. Trái phiếu chuyển đổi	55.686	0,54%			
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.448.542	33,46%	3.451.918	27,29%	-0,10%
1. Vốn cổ phần	1.146.915	11,13%	1.023.228	8,09%	12,09%
2. Thặng dư vốn cổ phần	834.436	8,10%	464.371	3,67%	76,69%
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	1.932	0,02%	1.932	0,02%	0,00%
4. Quỹ đầu tư phát triển	3.431	0,03%	3.431	0,03%	0,00%
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.461.828	14,18%	1.958.956	15,49%	-25,38%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	10.305.550	100,00%	12.648.114	100,00%	-18,52%

Tình hình nguồn vốn trong kỳ giảm 18,52% và chủ yếu là giảm khoản mục nợ phải trả chiếm tỉ trọng đến 66,54% chiếm phần lớn là nợ vay ngắn hạn và nợ phải trả người bán ngắn hạn. Nợ vay ngắn hạn tăng 37,58% nhưng nợ phải trả khách hàng giảm tương ứng là 46,26% so với cùng kỳ. Công ty luôn duy trì tổng nợ vay thuần trong tầm kiểm soát an toàn sau khi trừ đi khoản tiền và tương đương tiền, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu về cho vay, đầu tư trái phiếu có tài sản đảm bảo, cam kết mua lại nhằm góp phần đảm bảo dòng tiền cho sản xuất kinh doanh và góp phần tạo thêm lợi nhuận cho công ty. Năm 2022, Vốn Điều lệ và Thặng dư vốn Cổ phần tăng lần lượt 12,09% và 76,69% so với cùng kỳ do trong kỳ Công ty chào bán IPO thành công. Tổng nguồn vốn chủ sở hữu giảm chủ yếu là lợi nhuận sau thuế giảm do kết quả kinh doanh năm 2022 lỗ, nhưng tỷ lệ giảm không đáng kể.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2023

A. ĐÁNH GIÁ CƠ HỘI TIỀM NĂNG NĂM 2023

Năm 2023 được nhiều chuyên gia nhận định là năm sẽ tiếp tục khó khăn và giá thép có nhiều biến động. Động lực chính cho giữ vững sản lượng và lợi nhuận khả quan trong năm 2023 sẽ nằm ở khả năng cạnh tranh của sản phẩm và việc nắm bắt các nhu cầu đầu tư lớn, các thị trường còn nhiều tiềm năng, sự kích thích phục hồi và tăng trưởng nhờ vào chính sách điều chỉnh giảm lãi suất của các Ngân hàng Việt Nam.

Đối với thị trường Việt Nam, các doanh nghiệp sản xuất tôn, thép vẫn còn nhiều cơ hội được hưởng lợi từ chủ trương đầu tư công với gói kích thích đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Tôn Đông Á đang sở hữu năng lực sản xuất dẫn đầu thị trường trong nước và có chiến lược tăng độ phủ sóng sản phẩm ra nhiều địa bàn trên cả nước. Ban lãnh đạo Tôn Đông Á đánh giá đây sẽ là cơ hội tốt để tiếp tục mở rộng thị trường, nâng cao uy tín và độ nhận diện của thương hiệu Tôn Đông Á và các nhãn hàng chất lượng cao. Ngoài ra, việc Chính phủ Trung Quốc gỡ bỏ chính sách Zero Covid cũng có thể làm cho sản xuất tăng trưởng, tăng sức ép về giá cả xăng dầu, nguyên liệu đầu vào và gia tăng áp lực lạm phát...

Đối với thị trường xuất khẩu, Tôn Đông Á tiếp tục đẩy mạnh và mở rộng thị phần đến các thị trường khó tính như Mỹ, châu Âu. Trong năm 2023, giá bán ở các thị trường trên sẽ có xu hướng tăng so với năm 2022 và các doanh nghiệp sản xuất thép Trung Quốc có thể quay trở lại nhưng việc đã khẳng định được uy tín, chất lượng ngay trong thời điểm khó khăn của Đại dịch sẽ giúp Tôn Đông Á có những lợi thế cạnh tranh nhất định và là bàn đạp để phát triển sâu rộng hơn trên những thị trường này. Đồng thời, Các Hiệp định thương mại tiếp tục thực thi và có nhiều điểm cải tiến hỗ trợ xuất khẩu thuận lợi hơn. Trong tương lai, khi Việt Nam dần phát triển để trở thành công xưởng sản xuất các sản phẩm mới liên quan đến sản xuất gia dụng, công nghiệp, đặc biệt là phụ trợ cho sản xuất ô tô, Tôn Đông Á sẽ có cơ hội đón đầu xu thế khi nhu cầu đối với các sản phẩm tôn mạ chất lượng cao, điện gia dụng, xe hơi trong nước và trong khu vực đang ngày một tăng lên.

B. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2023

Dựa trên bối cảnh kinh tế - chính trị - xã hội năm 2023, Ban Tổng Giám đốc nhận định đây sẽ tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn đối với kinh tế nói chung và giá nguyên liệu tôn, thép có nhiều biến động, khi xung đột tại Ukraine hoặc các biến động kinh tế chính trị vĩ mô có thể tạo ra những tác động tiêu cực và bất ngờ. Trước tình hình trên, Tôn Đông Á đặt mục tiêu duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và tận dụng những lợi thế của công ty để đem đến tối đa hóa hiệu quả kinh doanh của công ty. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục xúc tiến với các khách hàng hiện tại, đặc biệt là các đối tác lớn ở Việt Nam, Mỹ và châu Âu.

C. ĐÁNH GIÁ CÁC MẢNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG GIAI ĐOẠN TỚI (1-5 NĂM)

- ▶ Công ty vẫn hoạt động mảng kinh doanh sản phẩm tôn mạ và thép hộp.
- ▶ Tiếp tục ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, kiểm soát hệ thống quản trị.
- ▶ Đầu tư nhà máy thứ 3 tại Bà Rịa - Vũng Tàu với tổng công suất lên đến 1.2 triệu tấn/năm.
- ▶ Khắc phục điểm nghẽn hiện tại về công suất sản xuất không đủ đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- ▶ Mở rộng phân khúc tiêu thụ hàng hóa sang thiết bị gia dụng, nội thất và hướng đến phân khúc xe hơi.
- ▶ Trở thành nhà sản xuất tôn mạ chất lượng và chủng loại sản phẩm phong phú hàng đầu Việt Nam.
- ▶ Kế hoạch phát triển thị trường:
 - Kiên trì định hướng phát triển thị trường phân khúc sản phẩm chất lượng cao.
 - Tiếp tục củng cố các khu vực thị trường.
 - Gia tăng sản lượng tại các khu vực và phân khúc còn dư địa.
 - Mở rộng kênh xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng.





PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

A. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ▶ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh không đạt như kỳ vọng đặt ra trong kỳ Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 đặt ra do tình hình kinh tế thị trường và ngành thép có sự biến động mạnh so với năm 2021. Công ty giữ vững thị phần và đẩy mạnh công tác bán hàng thông qua việc triển khai App Tôn Đông Á đến khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng giá trị cộng thêm cho khách hàng.
- ▶ Tôn Đông Á tiếp tục củng cố và ổn định hệ thống phân phối tại thị trường nội địa với 4 Công ty thành viên và 2 văn phòng đại diện là đầu cầu phân phối hàng hóa đến đại lý khắp từ Nam ra Bắc.
- ▶ Các hoạt động của bộ máy điều hành có sự năng động, cẩn trọng và tuân thủ theo Pháp luật, Điều lệ, Nội quy, Quy chế của Công ty, các quy định khác của Nhà nước. Phát huy được tối đa trí tuệ tập thể, năng lực sẵn có cũng như tinh thần đoàn kết gắn bó, đồng lòng đóng góp vào sự phát triển của Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông, cho người lao động Công ty.
- ▶ Đẩy mạnh áp dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất kinh doanh, quản lý, hành chính, lưu trữ và truyền tải thông tin.
- ▶ Trong năm, Công ty đã IPO thành công 15.350.000 cổ phiếu và tăng vốn điều lệ lên hơn 1.146 tỷ đồng, được công nhận là Công ty đại chúng và được cấp mã chứng khoán GDA. Công ty đang trong quá trình thực hiện hồ sơ đăng ký giao dịch chứng khoán.
- ▶ Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2021 đợt 1 bằng tiền mặt và đã nộp hồ sơ chia cổ tức năm 2021 đợt 2 bằng cổ phiếu vào tháng 10/2022 và đang chờ phê duyệt của Ủy Ban Chứng Khoán.
- ▶ Đặc biệt trong năm 2022, Công ty đẩy mạnh công tác Quan hệ nhà đầu tư (IR) thông qua các kênh truyền thông như website và email.
- ▶ Công ty tuân thủ kịp thời các quy định của Công ty đại chúng về quản trị Công ty và công bố thông tin.
- ▶ Đẩy nhanh công tác về thủ tục để đầu tư Nhà máy thép lá mạ công suất 1.2 triệu tấn/ năm(NM3) nhằm sản xuất sản phẩm thép mạ dùng cho các ngành nghề xây dựng, sản xuất thiết bị gia dụng & ô tô.
- ▶ Thực hiện tốt các hoạt động, quy định liên quan đến môi trường, cộng đồng, xã hội và luôn đưa ra các giải pháp cải tiến tốt để bảo vệ môi trường.
- ▶ Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, Tôn Đông Á luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước thông qua các hoạt động thiết thực có ích cho xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã tập trung triển khai giám sát toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tăng cường quản trị rủi ro trong hoàn cảnh nền kinh tế Việt Nam và thế giới có nhiều biến động, cụ thể:

- ▶ HĐQT thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện các nghị quyết của HĐQT, tình hình sản xuất kinh doanh tháng/ quý của Công ty trên cơ sở báo cáo của Tổng Giám đốc; thường xuyên tham gia các buổi họp của Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt, góp ý điều chỉnh kịp thời đường hướng, chiến lược mà Tổng Giám đốc, Ban điều hành sử dụng để thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; đồng thời thông qua các nghị quyết mới để Tổng Giám đốc thực hiện nhằm duy trì sự phát triển ổn định của Công ty trong các thời điểm biến động.
- ▶ Giám sát các quyết định của Tổng Giám đốc trong các hợp đồng, giao dịch hàng ngày phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi thẩm quyền của Tổng Giám đốc để hoàn thành kế hoạch đã được HĐQT đề ra; Giám sát, đôn đốc Tổng Giám đốc nhanh chóng chỉ đạo triển khai hoàn thiện hồ sơ và các công tác cần thiết để đưa các dự án của Công ty vào hoạt động; thường xuyên chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện công tác kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính theo quy định.
- ▶ Giám sát các quyết định, chỉ đạo của Tổng Giám đốc trong việc triển khai đáp ứng các yêu cầu, điều kiện theo quy định của pháp luật sau khi Công ty trở thành Công ty đại chúng như: Niêm yết, các giao dịch, Đặc biệt chú trọng giám sát công tác thông báo, công bố thông tin đúng thời hạn đối với các vấn đề, văn bản cần công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, đảm bảo hoạt động công khai, minh bạch của Công ty với tư cách là Công ty đại chúng.
- ▶ HĐQT cũng tham gia góp ý và giám sát việc ban hành và thực hiện các quy chế quản lý của Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty và nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 như quy chế bảo mật thông tin, quy chế kiêm nhiệm ... để các hoạt động của Công ty được liên tục, thuận lợi.



VỀ CÔNG TÁC NHÂN SỰ, TRONG NĂM 2022

HĐQT theo dõi sát sao tình hình tuyển dụng lao động, các quyết sách của Tổng Giám đốc về tiền lương và lợi ích khác của người lao động nhằm đảm bảo sự chia sẻ, dung hòa lợi ích giữa người lao động và Công ty trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động, khó khăn đối với ngành thép. Đặc biệt chú trọng, theo dõi đề nghị Tổng Giám đốc báo cáo quá trình đào tạo, các khóa học, buổi học nâng cao ý thức an toàn lao động cho người lao động, kiến thức chuyên môn trong hoạt động sản xuất tại các dây chuyền của Công ty. Còn đối với công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác của người lao động, HĐQT theo dõi, góp ý với Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các hoạt động thực tiễn như tổ chức cho người lao động đi du lịch, quà trung thu, quà tết.

Kết quả: Qua quá trình giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc trong năm 2022, Hội đồng Quản trị nhận thấy Tổng Giám đốc đã đảm bảo công ăn việc làm, an toàn sức khỏe CB-CNV, kinh doanh có trách nhiệm đối với các bên liên quan, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị tiếp tục duy trì chiến lược lâu dài của Tôn Đông Á trở thành doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực trong lĩnh vực sản xuất thép lá mạ áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Công ty sẽ tiếp tục tập trung phát triển các dòng sản phẩm chất lượng cao, phân khúc cao, mở rộng ra các thị trường còn dư địa cũng như nâng cao vị thế tại các thị trường đang chiếm lĩnh hiện tại. Tôn Đông Á sẽ tiếp tục đầu tư vào dự án nhà máy số 3 tại Bà Rịa – Vũng Tàu. Tôn Đông Á sẽ lấn sân sang các dòng sản phẩm khác để mở rộng hệ sinh thái, nâng cao chuỗi giá trị thương hiệu Tôn Đông Á. Cùng với đó, Tôn Đông Á đang có những bước chuẩn bị để vươn thương hiệu Tôn Đông Á nâng tầm vị thế trên thị trường. Công ty tiếp tục nỗ lực duy trì kết quả cũng như kiện toàn bộ máy theo tiêu chuẩn

của một Công ty đại chúng hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất thép lá mạ. Hội đồng quản trị đặt ra mục tiêu tiếp tục duy trì mức doanh thu và lợi nhuận khả quan, đồng thời thực hiện các mục tiêu đầu tư, sản xuất trong năm 2023, đẩy mạnh công tác đăng ký nhằm đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Để đạt được những mục tiêu trên, Hội đồng quản trị giao cho Ban Tổng giám đốc thực hiện sát các mục tiêu được đề ra, đôn đốc cán bộ, công nhân viên nỗ lực hết mình vượt qua những khó khăn, không ngừng sáng tạo, cải tiến hiệu quả sản xuất, linh hoạt, chủ động ứng phó với những biến đổi trong môi trường kinh doanh.



PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Sơ lược thành phần Hội đồng Quản trị
2. Sơ lược thành phần Ban kiểm soát
3. Sơ lược thành phần Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Thanh Trung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

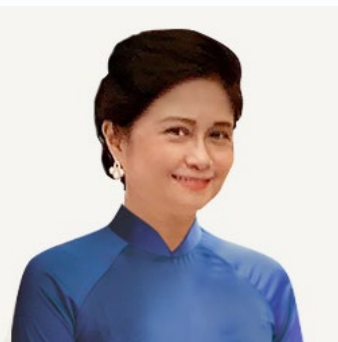
Năm sinh: 1959 - Kỹ sư xây dựng
Ông Nguyễn Thanh Trung là cổ đông sáng lập Tôn Đông Á. Ông từng công tác tại Tổng Công ty Cao su Việt Nam và Công ty TNHH XD-TM Mekong Việt Nam. Ông là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tôn Đông Á từ khi thành lập cho đến tháng 06/2021. Sau 06/2021, ông Nguyễn Thanh Trung là Chủ tịch HĐQT của Công ty.



Bà Lê Thị Phương Loan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1951 - Tài chính Ngân hàng
Bà Lê Thị Phương Loan là một trong 3 cổ đông sáng lập của Tôn Đông Á. Bà nắm chức vụ chủ chốt trong HĐQT từ khi thành lập năm 1998 cho đến nay.



Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1965 - Quản trị Kinh doanh
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh là một trong 3 cổ đông sáng lập của Tôn Đông Á. Bà nắm chức vụ chủ chốt trong HĐQT từ khi thành lập năm 1998 cho đến nay.

STT		Họ tên	Chức vụ
1	Ông	Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT
2	Bà	Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Bà	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông	Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT
5	Ông	Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT
6	Ông	Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT
7	Ông	Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập
8	Ông	Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT độc lập



Ông Hồ Song Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1961 - Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Ông Hồ Song Ngọc từng công tác tại Tiểu đoàn 22, Sư đoàn 98, Quân khu 9, Công ty Du lịch An Giang, Giám đốc Công ty TNHH Nước Giải Khát Hoàn Cầu, Giám đốc Công ty TNHH Minh Nguyên trước khi trở thành thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Tôn Đông Á từ năm 2010 đến tháng 06/2021. Ông được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc kể từ tháng 06/2021 đến nay.



Ông Phạm Quốc Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1967 - Cử nhân Sư phạm Hóa
Ông Phạm Quốc Thắng từng giữ chức vụ Phó Giám đốc tại Công ty TNHH Nước Giải khát Hoàn Cầu An Giang và công tác tại Công ty Thực phẩm MeKong Gò Vấp. Ông giữ chức vụ Phó Giám đốc của Tôn Đông Á từ năm 1998 đến năm 2008 trước khi trở thành Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ năm 2009 đến nay.



Ông Đoàn Vĩnh Phước

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1968 - Cử nhân Kế hoạch hóa Kinh tế Quốc dân
Ông Đoàn Vĩnh Phước từng công tác tại Công ty TNHH Mekong cho đến năm 1998. Ông giữ chức vụ Trưởng VPĐD tại TpHCM của Tôn Đông Á từ năm 1998 đến năm 2008 và trở thành Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ năm 2009 đến nay.



Ông Đoàn Danh Tuấn

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1957 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Quốc tế
Ông Đoàn Danh Tuấn hiện đang là Tổng Giám đốc Công ty TNHH TM Thép Toàn Thắng. Ông giữ chức vụ Thành viên HĐQT Tôn Đông Á từ tháng 05/2021 đến nay.



Ông Ngô Văn Sinh

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1972 - Kỹ sư Điện
Ông Ngô Văn Sinh từng công tác tại LS Industrial System và Schneider Electric. Hiện nay ông đang là Giám đốc điều hành tại Công ty Cổ phần kỹ thuật Điện Miền Trung và giữ chức vụ thành viên HĐQT Tôn Đông Á từ tháng 05/2021 đến nay.

BAN KIỂM SOÁT



Bà Lê Thị Khoa Nguyễn

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1959 - Tiến sĩ kinh tế

Bà Lê Thị Khoa Nguyễn từng công tác tại Trường Trung cấp tài chính KT 4 (Bộ Tài chính), Trường Cao Đẳng Tài chính Hải Quan (Bộ Tài chính), Phó trưởng khoa Kế toán Trường ĐH MỞ TPHCM và thỉnh giảng tại nhiều trường đại học khác. Bà được bầu làm Trưởng BKS Tôn Đông Á từ 05/2021 đến nay.



Ông Nguyễn Năng Tín

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1955 - Kỹ sư cơ khí

Ông Nguyễn Năng Tín từng làm Giảng viên tại ĐH Bách Khoa TPHCM, từng công tác tại Công Ty Mekong GmbH- CHLB Đức, Cty TNHH Thương Mại - Xây Dựng Nam Hải. Ông được bầu làm Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 05/2021 đến nay.



Bà Lâm Duy Thùy Linh

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1965 - Thạc sĩ

Bà Lâm Duy Thùy Linh từng công tác tại Đại học Y Dược TPHCM, Bệnh viện nhân dân Gia Định. Hiện bà đang là Giám đốc Công ty TNHH Dược phẩm Linh Ân và trở thành Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 05/2021.



Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1957 - Thạc sĩ kinh tế

Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà từng giảng dạy tại Trường Cấp 3 Phù Mỹ Bình Định, Trường Nuôi dạy con Liệt Sĩ Miền Nam – Gò Vấp HCM. Bà cũng từng giữ chức vụ Thành viên HĐQT và Giám đốc APAVE Asia-Pacific. Hiện bà đang là Giảng viên tại Trường Đại học Hoa Sen và trở thành Thành viên BKS Tôn Đông Á từ 01/2022

THÀNH PHẦN BAN KIỂM SOÁT

STT		Họ tên	Chức vụ
1	Bà	Lê Thị Khoa Nguyễn	Trưởng BKS
2	Ông	Nguyễn Năng Tín	Thành viên BKS
3	Bà	Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên BKS
4	Bà	Nguyễn Phước Thị Túy Hà	Thành viên BKS

SỐ CUỘC HỌP BKS NĂM 2022

STT		Họ tên	Chức vụ	Số cuộc họp
1	Bà	Lê Thị Khoa Nguyễn	Trưởng BKS	4
2	Ông	Nguyễn Năng Tín	Thành viên BKS	4
3	Bà	Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên BKS	4
4	Bà	Nguyễn Phước Thị Túy Hà	Thành viên BKS	4

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hiện tại Ban kiểm soát của Công ty gồm 4 thành viên được thực hiện nhiệm vụ phân công và tuân thủ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty. Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông cụ thể như sau:

- Đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- ▶ Hội đồng Quản trị đã ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
- ▶ Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- ▶ Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tổ chức hàng quý để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thảo luận về tính hợp pháp của các nghị quyết, quyết định được ban hành.

- Đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- ▶ Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được phân công, phân cấp.
- ▶ Chỉ đạo các Phòng ban thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.

Kết quả: Qua thực hiện việc giám sát trong năm 2022, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng Quản trị tuân thủ điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định pháp luật có liên quan; Tổng Giám đốc triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị. Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- ▶ Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên ban điều hành khác đã thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về việc cung cấp thông tin cần thiết về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty cho Ban kiểm soát để thực hiện việc kiểm soát. Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được duy trì thường xuyên trong suốt năm 2022 thông qua hình thức họp trực tiếp định kỳ 01 quý/ lần.
- ▶ Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, kiểm soát việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán.
- ▶ Trong quyền hạn và nhiệm vụ của mình Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như phối hợp với Hội đồng Quản trị và bộ máy điều hành trong Công ty thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết đã được ban hành.
- ▶ Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp và tạo điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông Hồ Song Ngọc - TỔNG GIÁM ĐỐC Xem phần thành viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Quốc Thắng - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Xem phần thành viên HĐQT
Ông Đoàn Vĩnh Phước - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Xem phần thành viên HĐQT



Ông Nguyễn Văn Đại

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH

Năm sinh: 1972 - Thạc sĩ Kỹ thuật
 Ông Nguyễn Văn Đại từng công tác tại Công ty thép Nhà Bè, Công ty Liên doanh Vingal, Công ty Nam Hà Việt, Nhà máy thép Phú Mỹ, Công ty Thép miền Nam, Công ty CP Thép tấm lá Thống Nhất, Công ty TNHH MTV thép tấm lá Phú Mỹ. Ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tôn Đông Á từ 12/2019 đến nay.



Bà Trần Lệ Xuân

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1983 - Cử nhân Kế toán
 Bà Trần Lệ Xuân từng công tác tại Công ty TNHH Nước Giải khát Hoàn Cầu An Giang và Công ty TNHH Minh Nguyên. Năm 2011 công tác tại Tôn Đông Á và trở thành Kế toán trưởng Công ty từ 2018 đến nay.

SỐ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

Họ tên	Chức vụ	Số cuộc họp
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	26
Bà Lê Thị Phương Loan	TV HĐQT	26
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	TV HĐQT	26
Ông Hồ Song Ngọc	TV HĐQT	26
Ông Phạm Quốc Thắng	TV HĐQT	26
Ông Đoàn Vĩnh Phước	TV HĐQT	26
Ông Đoàn Danh Tuấn	TV độc lập HĐQT	26
Ông Ngô Văn Sinh	TV độc lập HĐQT	26

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

Số NQ - QĐ	Ban hành	Tóm tắt nội dung
01/2022/NQ-HĐQT-TDA	03/01/2022	Thực hiện chương trình chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng
02/2022/BBH-HĐQT-TDA (Biên bản họp kiêm nghị quyết)	04/01/2022	Thực hiện quan hệ tín dụng với ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sài Gòn niên độ 2021-2022
02A/2022/BBH-HĐQT-TDA (Biên bản họp kiêm nghị quyết)	19/01/2022	Mua trái phiếu Novaland
01A/2022/NQ-HĐQT-TDA	19/01/2022	Thực hiện giao dịch với Công ty cổ phần mua bán nợ và quản lý tài sản Việt Nam
01B/2022/NQ-HĐQT-TDA	28/01/2022	Thực hiện quan hệ tín dụng với bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh trong năm 2022
02/2022/NQ-HĐQT-TDA	11/02/2022	Điều chỉnh phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng
03/2022/NQ-HĐQT-TDA	04/03/2022	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng

Số NQ - QĐ	Ban hành	Tóm tắt nội dung
04/2022/NQ-HĐQT-TDA	18/03/2022	Đăng ký tập trung cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
05/2022/NQ-HĐQT-TDA	30/03/2022	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Long An (bà Hoắc Tú Hương)
06/2022/NQ-HĐQT-TDA	30/03/2022	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương (bà Hoắc Tú Hương)
07/2022/NQ-HĐQT-TD	30/03/2022	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương (bà Hoắc Tú Hương)
08/2022/NQ-HĐQT-TDA	30/03/2022	Bổ nhiệm Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bình Dương (bà Hoắc Tú Hương)
07/2022/BBH-HĐQT-TDA (Biên bản họp kiêm nghị quyết)	01/04/2022	Thông qua vay vốn tại Vietinbank chi nhánh Đông Sài Gòn
08/2022/BBH-HĐQT-TDA (Biên bản họp kiêm nghị quyết)	20/04/2022	Thông qua phương án sử dụng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
09/2022/NQ-HĐQT-TDA	21/04/2022	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHCĐTN năm 2022
10/2022/NQ-HĐQT-TDA	21/04/2022	Trích lập quỹ năm 2021
11/2022/NQ-HĐQT-TDA	25/04/2022	Miễn nhiệm Giám đốc Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh (bà Phạm Thị Hải)
12/2022/NQ-HĐQT-TDA	25/04/2022	Bổ nhiệm Quyền Giám đốc Công ty TNHH MTV Tôn Đông Á Bắc Ninh (Ông Nguyễn Trịnh Vũ)
14/2022/NQ-HĐQT-TDA	12/05/2022	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Số NQ - QĐ	Ban hành	Tóm tắt nội dung
16/2022/NQ-HĐQT-TDA	07/07/2022	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty (Bà Nguyễn Hồng Nhung nhiệm kỳ - 2022 - 2024)
16A/2022/NQ-HĐQT-TDA	22/08/2022	Trích thù lao HĐQT, BKS, BTK năm 2021
17/2022/NQ-HĐQT-TDA	30/09/2022	Chi trả cổ tức 2021 đợt 2 (bằng cổ phiếu)
18/2022/BBH-HĐQT-TDA (Biên bản họp kiêm nghị quyết)	17/10/2022	Thực hiện quan hệ tín dụng với ngân hàng VIB niên độ 2022 - 2023
19/2022/BBH-HĐQT-TDA (Biên bản họp kiêm nghị quyết)	14/12/2022	Thực hiện quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam Chi nhánh TP.HCM niên độ 2022 - 2023





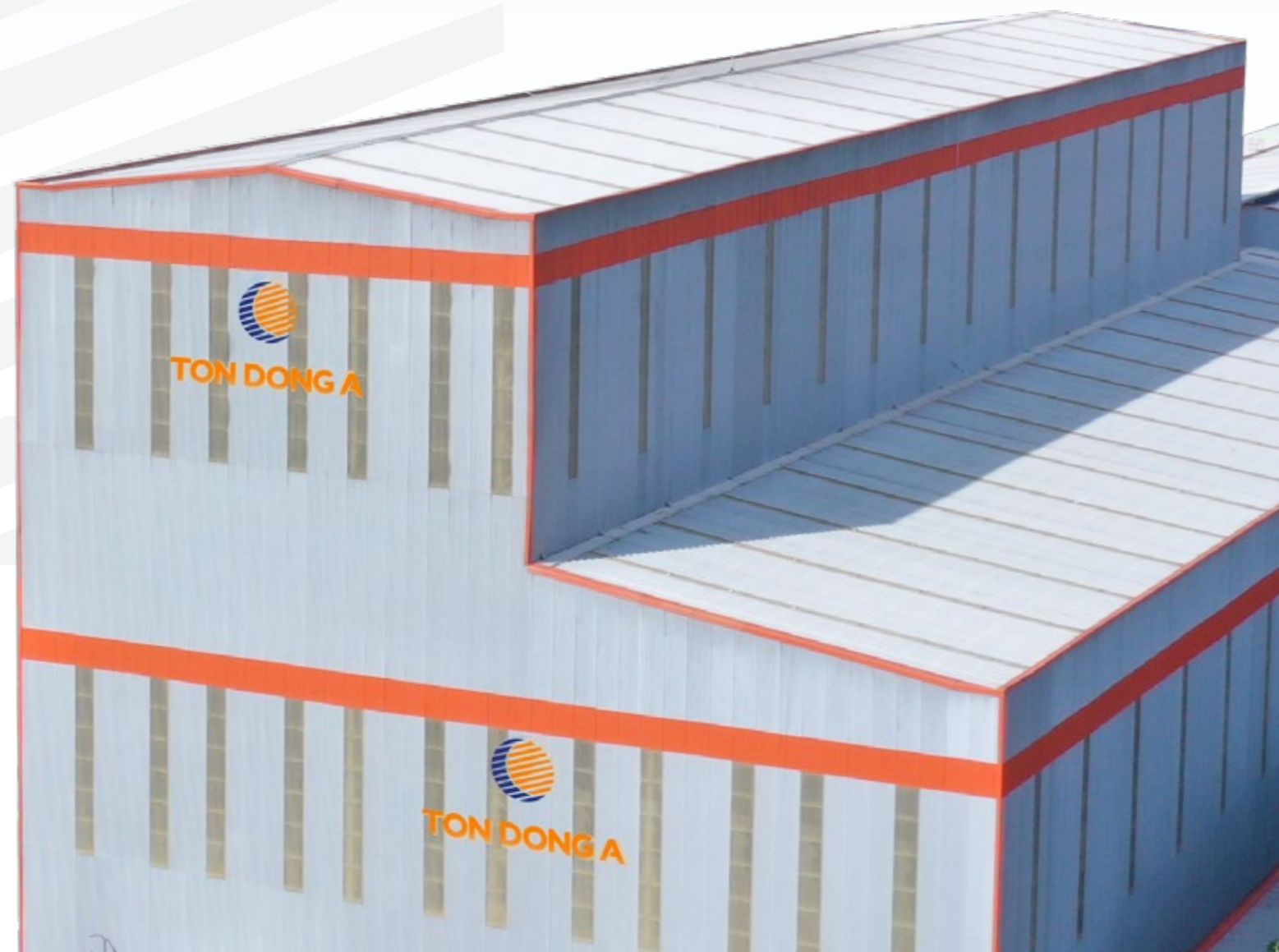
ĐÁNH GIÁ VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ▶ Trong năm qua, HĐQT đã tổ chức họp và phân công từng nhiệm vụ đến từng thành viên trong HĐQT theo từng mảng công việc cụ thể để chỉ đạo, theo sát công tác triển khai các công việc đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua.
- ▶ Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT đã được ban điều hành triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- ▶ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các phòng ban/ bộ phận chức năng trong Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị Công ty giao cho. Các hoạt động của bộ máy điều hành có sự năng động, cẩn trọng và tuân thủ theo Pháp luật, Điều lệ, Nội quy, Quy chế của Công ty, các quy định khác của Nhà nước. Phát huy được tối đa trí tuệ tập thể, năng lực sẵn có cũng như tinh thần đoàn kết gắn bó, đồng lòng đóng góp vào sự phát triển của Công ty cũng như lợi ích của Cổ đông.
- ▶ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc luôn tìm tòi, nghiên cứu, đề xuất đổi mới mô hình hoạt động phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của doanh nghiệp.
- ▶ Trong năm 2022, HĐQT cũng đã chỉ đạo kịp thời và triển khai thành công chào bán IPO, trở thành Công ty đại chúng, được cấp mã chứng khoán và ban hành các Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Quy chế Công bố thông tin.
- ▶ Đặc biệt trong năm 2022, Công ty đẩy mạnh công tác Quan hệ nhà đầu tư (IR) thông qua các kênh truyền thông như website và email.
- ▶ Công ty tuân thủ kịp thời các quy định của Công ty đại chúng về quản trị Công ty và công bố thông tin.
- ▶ Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, kiểm soát việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn đảm bảo tính trung thực, hợp pháp và hệ thống, nhất quán.
- ▶ Trong quyền hạn và nhiệm vụ của mình Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như phối hợp với HĐQT và bộ máy điều hành trong Công ty thực hiện tốt các chủ trương, nghị quyết đã được ban hành.

PHẦN VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Mô hình phát triển bền vững
2. Môi trường
3. Người lao động
4. Xã hội



MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với tôn chỉ hoạt động “cùng xây cuộc sống xanh”, Tôn Đông Á hiểu rõ trách nhiệm của một doanh nghiệp lớn về sản xuất vật liệu xây dựng nguồn đối với các mục tiêu phát triển bền vững. Phát triển bền vững mang lại giá trị thực sự cho không chỉ cổ đông, khách hàng, đối tác mà còn cho người lao động, xã hội - môi trường, cộng đồng địa phương và còn đóng góp cho sự thịnh vượng của đất nước. Trên cơ sở đó, các kế hoạch hành động của Công ty được đặt ra dựa trên nền tảng sự chia sẻ chủ động và tích cực từ các bên liên quan nhằm nhanh chóng phát hiện những vấn đề cần thay đổi và phát triển để hoàn thiện hơn các chính sách của Công ty hiện nay.

Hội đồng quản trị

Định hướng chiến lược phát triển bền vững chung cho toàn bộ Công ty
Các chương trình hành động chung



Ban Tổng Giám đốc

Định hướng, chỉ đạo chung về Phát triển bền vững của Công ty
Phê duyệt mục tiêu và các kế hoạch hành động



Các bộ phận, phòng ban chức năng, nhà máy

Xây dựng và trình Ban Tổng Giám đốc các mục tiêu kế hoạch và hành động cụ thể.
Triển khai, hướng dẫn các Công ty con thực hiện, giám sát các kế hoạch, hành động đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.



MÔI TRƯỜNG

CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

- Công ty đã đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ (lựa chọn công nghệ tiêu hao ít nhiên liệu, năng lượng, phát thải ít, thân thiện với môi trường, nâng cao tuổi thọ thiết bị, rút ngắn chu kỳ tạo sản phẩm...). Sử dụng công nghệ ít tiêu hao: tái sinh acid 99% (giảm acid thải ra môi trường), lò NOF (tái sử dụng nhiệt, thu hồi nhiệt), sử dụng điện tái sinh (hệ thống DC BUS), sử dụng hơi nóng 100% từ hệ thống nồi hơi Biomass.
- Công ty sử dụng nhiên liệu sạch và tiết kiệm năng lượng trong sản xuất. Thay đổi nhiên liệu (từ dùng than sang dùng khí sạch CNG) và tăng cường sử dụng năng lượng có hiệu quả (sử dụng nhiệt dư, khí dư tái tạo năng lượng, bố trí hợp lý các thiết bị truyền động...).
- Công ty đã trồng nhiều cây xanh nhằm giảm nhiệt lượng và hấp thụ một phần khí CO2 thải ra.
- Cải tiến khu vực bể làm nguội sau lò sấy sơn thô và sơn tinh Chuyên Màu 2. Kết cấu thiết bị sau cải tiến nhìn thẩm mỹ, thông thoáng, thuận lợi để kiểm tra chất lượng sản phẩm, thực hiện 5S, bảo trì bảo dưỡng thiết bị máy móc, giảm thời gian dừng máy 50% khi thay trục khu vực này. Giải nhiệt bằng tôn tốt hơn sau cải tiến, nhiệt độ đo được khi quấn cuộn thành phẩm.
- Tối ưu hiệu suất làm việc của béc đốt gián tiếp của lò NOF CK5, CK6. Hàng loạt béc đốt CK6 đốt yếu không đáp ứng nhiệt và lỗi tắt liên tục => Tiến hành tìm kiếm và hiệu chỉnh thông số để nâng công suất đốt, xây dựng công thức sửa chữa cho sau này. Các béc đốt hoạt động công suất cao lên hơn 30%, 100% số béc hoạt động, không phải tốn nhân công sửa chữa nữa...giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và sản lượng của dây chuyền.
- Cải tiến quạt cấp khí tươi phòng sơn tinh 1, sơn tinh 2 và sơn clear. Cải thiện chất lượng không khí bên trong nhà xưởng, giảm ô nhiễm, giảm tần suất sự cố lỗi vận hành máy sơn, giảm thời gian thay sơn, thay trục. Cải thiện chất lượng không khí bên trong nhà xưởng, giảm ô nhiễm, giảm tần suất sự cố lỗi vận hành máy sơn, giảm thời gian thay sơn, thay trục.
- Cải tiến Quạt hút hơi axit ARP: Thay đổi vật liệu guồng quạt bằng composite.
- Cải tiến bạc làm kín trục quạt hút hơi tái sinh Acid trạm ARP: Thay đổi loại vật liệu hiện hữu sang loại vật liệu mới phủ Tungsten Carbide chịu được acid và không bị hư hỏng khi sử dụng.



TỔNG LƯỢNG NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT VÀ ĐÓNG GÓI CÁC SẢN PHẨM TÔN ĐÔNG Á TRONG NĂM 2022

Nguyên nhiên liệu	ĐVT	Khối lượng
Thép cán nóng	Kg	675.584.122
Thép cán nguội	Kg	633.335.735
Tôn đen nguyên liệu	Kg	661.160.517
Hợp kim nhôm - kẽm	Kg	13.845.499
Kẽm	Kg	5.013.060
Antifinger	Kg	771.605
Amoniac (NH ₃)	Kg	1.319.210
Sud (NaOH)	Kg	1.091.073
Dầu cán	Lít	1.947.085
Gas (CNG)	Sm ³	19.152.474
HCL 32%	Kg	8.451.350
Crom	Kg	1.845.573
Biomass	Kg	66.180.279
Nitơ lỏng	Kg	775.525

BÁO CÁO TỶ LỆ PHẦN TRĂM NGUYÊN VẬT LIỆU ĐƯỢC TÁI CHẾ ĐƯỢC SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CHÍNH CỦA TỔ CHỨC



Tái sử dụng acid HCl: lượng acid tái sử dụng khoảng 65% lượng thải ra

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TRỰC TIẾP VÀ GIÁN TIẾP

Nguyên nhiên liệu	ĐVT	Khối lượng sử dụng trong năm
Điện mua vào	kWh	172.207.200
Dầu DO (Diesel Oil)	Tấn	159.49
Khí tự nhiên (Natural Gas)	Sm ³	22.703.172

NĂNG LƯỢNG TIẾT KIỆM ĐƯỢC THÔNG QUA CÁC SÁNG KIẾN SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG HIỆU QUẢ



Tổng năng lượng tiết kiệm 2%/năm

CÁC BÁO CÁO SÁNG KIẾN TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG (CUNG CẤP CÁC SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG HOẶC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO); BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA CÁC SÁNG KIẾN



Thay đổi khoảng hơn 90% thiết bị chiếu sáng bằng sợi tóc, huỳnh quang sang sử dụng bóng đèn chiếu sáng LED
Quy định sử dụng máy lạnh: Cài đặt nhiệt độ từ 26-28 °C

NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG



Nguồn nước cấp do CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG cung cấp
Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2022 là 800,138 m³

TỶ LỆ PHẦN TRĂM VÀ TỔNG LƯỢNG NƯỚC TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG



Tái sử dụng khoảng 30% lượng nước từ hệ thống lọc nước RO thông qua hệ thống xả đáy (Drain) => Chiếm 11,5% tổng lượng nước toàn nhà máy



NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ▶ CNV làm việc tại xưởng sản xuất luôn được cấp phát bảo hộ lao động định kỳ hoặc mới nhận việc (Quần áo, giày, nón bảo hộ, nút chống ồn, khẩu trang hoạt tính, v.v.) để đảm bảo an toàn khi làm việc.
- ▶ Môi trường làm việc luôn được theo dõi đo kiểm định kỳ và đảm bảo cho người lao động làm việc an toàn.
- ▶ Đối với người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại sẽ được cấp phát sữa hằng ngày.
- ▶ Khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật cho công nhân viên.
- ▶ Công ty có trang bị máy lọc nước tại mỗi xưởng làm việc để người lao động sử dụng.
- ▶ Máy lọc được theo dõi và phân tích mẫu nước theo các thông số quy định định kỳ.



XÃ HỘI

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển 25 năm qua, Tôn Đông Á luôn đề cao tinh thần cùng chung tay vì sự phát triển cộng đồng, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với Nhà nước thông qua các hoạt động thiết thực có ích cho xã hội như: Hỗ trợ kinh phí xây cầu đường; trao học bổng cho trẻ em nghèo, xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa; hỗ trợ tôn lợp nhà và nhiều tài trợ ý nghĩa khác.

Tổng số tiền Tôn Đông Á tài trợ cho các hoạt động xã hội tính đến ngày 28/02/2023 gần 40 tỷ đồng, tài trợ cho các Quỹ ban ngành như: Hội Chữ Thập Đỏ Tỉnh Bình Dương, Quỹ Bảo Trợ Trẻ Em Tỉnh Bình Dương, Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam, Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM, Ủy Ban MTTQ tỉnh Thừa Thiên Huế, Quỹ Nam Phương, Quỹ Giáo Dục Huế Hiếu Học.

Một số hoạt động nổi bật của Tôn Đông Á trong năm 2022 như: tài trợ học bổng chương trình “Xuân với trẻ em khó khăn lần XV” của Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Bình Dương; tài trợ học bổng chương trình “Mùa xuân cho em” của Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam; tài trợ học bổng chương trình “Tết vì người nghèo – Xuân Nhâm Dần” của Hội Chữ Thập Đỏ Tỉnh Bình Dương; ủng hộ trẻ em tật nguyền của Quỹ vì người nghèo xã Quỳnh Mỹ; tài trợ học bổng, công trình xã hội, hỗ trợ Covid-19 trong chương trình “Cuộc đua xe đạp tranh cúp truyền hình, HTV – Tôn Đông Á lần thứ 34 năm 2022”; tài trợ chiến dịch Mùa hè xanh của Trường Đại học Bách Khoa TP.HCM; tài trợ học bổng, kinh phí xây dựng phòng truyền thống và sách kỷ yếu 70 năm cho trường THPT Phan Châu Trinh – Đà Nẵng; tài trợ xây dựng cầu Tôn Đông Á – Bạc Liêu; tài trợ Bộ tư lệnh vùng 2 Hải quân; tài trợ chương trình “Cuộc đi bộ gây Quỹ Xã hội” của Quận Phú Nhuận; tài trợ học bổng cho Ban liên lạc Hội đồng hương Tỉnh Thừa Thiên Huế tại TP.HCM.



PHẦN VII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2022

1. Thông tin chung
2. Báo cáo của Ban Giám đốc
3. Báo cáo kiểm toán độc lập
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
7. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất sắt, thép, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và tại Tầng M, Lô 52-53, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và một (1) chi nhánh tại Lô A3, Đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên
Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Khoa Nguyễn	Trưởng ban
Ông Nguyễn Năng Tín	Thành viên
Bà Lâm Duy Thùy Linh	Thành viên
Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà	Thành viên

bổ nhiệm ngày 13 tháng 1 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Song Ngọc	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thanh Trung
Ông Hồ Song Ngọc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Emst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất lần này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- ▶ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kì thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:




Hồ Song Ngọc
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2023



Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60947064/22636838-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Phạm Xuân Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4639-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.410.177.790.095	9.281.096.575.225
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	829.814.067.681	544.359.213.855
111	1. Tiền		814.814.067.681	534.359.213.855
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.000.000.000	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.162.000.058.794	1.625.388.572.810
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.162.000.058.794	1.625.388.572.810
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.964.647.427.052	2.519.798.372.050
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.070.004.881.901	2.483.985.081.194
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	7.958.820.479	3.912.099.028
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	835.000.000.000	3.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	102.521.170.237	32.587.198.050
137	5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	6	(50.837.445.565)	(3.686.006.222)
140	IV. Hàng tồn kho	10	3.290.690.692.843	4.427.016.921.200
141	1. Hàng tồn kho		3.348.787.967.494	4.434.799.955.276
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(58.097.274.651)	(7.783.034.076)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		163.025.543.725	164.533.495.310
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	20.150.911.938	20.090.591.278
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	142.097.852.823	143.668.166.502
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	776.778.964	774.737.530

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.895.371.944.017	3.367.017.393.491
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6.372.076.839	4.866.634.839
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		6.435.000	6.435.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	6.365.641.839	4.860.199.839
220	II. Tài sản cố định		2.541.112.283.063	2.834.481.743.681
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.358.723.131.132	2.653.239.549.657
222	Nguyên giá		4.568.517.430.737	4.522.858.473.234
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.209.794.299.605)	(1.869.618.923.577)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	60.887.311.423	60.790.524.962
225	Nguyên giá		72.177.201.086	71.066.232.074
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(11.289.889.663)	(10.275.707.112)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	121.501.840.508	120.451.669.062
228	Nguyên giá		136.987.144.227	133.446.924.227
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(15.485.303.719)	(12.995.255.165)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.175.888.322	3.106.220.920
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		3.175.888.322	3.106.220.920
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		30.640.000.000	199.640.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	30.640.000.000	199.640.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		314.071.695.793	324.922.794.051
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	292.424.812.499	320.043.014.552
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	21.646.883.294	4.879.779.499
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.305.549.734.112	12.648.113.968.716

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.857.008.081.757	9.196.195.607.377
310	I. Nợ ngắn hạn		6.766.306.891.008	8.745.065.889.510
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	1.263.889.355.033	2.351.948.262.818
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	47.556.986.156	58.613.953.961
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	78.471.005.736	108.732.468.433
314	4. Phải trả người lao động	18	19.914.763.583	37.664.949.438
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	22.009.509.868	6.448.994.814
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	12.141.249.931	2.336.109.350.656
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	5.265.965.935.896	3.827.537.623.323
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	56.358.084.805	18.010.286.067
330	II. Nợ dài hạn		90.701.190.749	451.129.717.867
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	35.015.526.787	451.129.717.867
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	22	55.685.663.962	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.448.541.652.355	3.451.918.361.339
410	I. Vốn chủ sở hữu	23.1	3.448.541.652.355	3.451.918.361.339
411	1. Vốn cổ phần		1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		834.436.453.483	464.371.374.500
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		1.931.977.742	1.931.977.742
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		3.430.602.730	3.430.602.730
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.461.827.518.400	1.958.956.116.367
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.738.335.705.755	749.147.894.987
421b	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(276.508.187.355)	1.209.808.221.380
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		10.305.549.734.112	12.648.113.968.716

DL

Võ Công Danh
Người lập

Trần Lệ Xuân

Trần Lệ Xuân
Kế toán trưởng

Hồ Song Ngọc

Hồ Song Ngọc
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	21.680.827.982.408	25.301.792.525.112
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(66.343.360.473)	(40.045.823.010)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	21.614.484.621.935	25.261.746.702.102
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(20.433.359.245.487)	(22.470.011.823.491)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.181.125.376.448	2.791.734.878.611
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	407.098.695.485	266.480.216.770
22	7. Chi phí tài chính	26	(503.513.665.109)	(258.302.956.413)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(248.577.099.938)	(205.600.480.772)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(1.244.957.678.383)	(1.211.896.445.856)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(140.664.765.144)	(109.191.988.516)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(300.912.036.703)	1.478.823.704.596
31	11. Thu nhập khác	30	9.199.536.566	31.127.132.696
32	12. Chi phí khác	30	(852.683.796)	(6.454.829.353)
40	13. Lợi nhuận khác	30	8.346.852.770	24.672.303.343
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(292.565.183.933)	1.503.496.007.939
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(710.107.217)	(296.161.260.142)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	16.767.103.795	2.473.473.583
60	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(276.508.187.355)	1.209.808.221.380

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(276.508.187.355)	1.209.808.221.380
70	19. (Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(2.466)	11.047
71	20. (Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	(2.017)	9.014

Võ Công Danh
Người lập

Trần Lệ Xuân
Kế toán trưởng



Hồ Song Ngọc
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(292.565.183.933)	1.503.496.007.939
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13, 14	344.492.862.316	342.190.818.776
03	Trích lập dự phòng		97.465.679.918	11.239.220.811
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.718.306.450)	11.496.702.418
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(209.231.304.196)	(75.190.232.690)
06	Chi phí lãi vay	26	248.577.099.938	205.600.480.772
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		187.020.847.593	1.998.832.998.026
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		1.364.375.952.670	(1.054.489.267.253)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		1.086.011.987.782	(2.108.121.790.349)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(3.392.627.656.660)	2.321.743.232.372
12	Giảm chi phí trả trước		27.557.881.393	7.067.779.566
14	Tiền lãi vay đã trả		(241.819.070.626)	(206.470.499.890)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(68.218.775.287)	(269.431.930.077)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(66.305.962.175)	(23.662.699.787)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(1.104.004.795.310)	665.467.822.608
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(52.907.289.978)	(213.120.304.623)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		1.851.851.853	17.685.681.287
23	Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay		(6.765.658.663.508)	(3.031.828.572.810)
24	Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay		6.566.047.177.524	1.934.058.909.967
27	Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay		182.842.535.800	72.189.860.746
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(67.824.388.309)	(1.221.014.425.433)

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		494.747.240.000	21.335.350.000
33	Tiền thu từ đi vay	21	17.932.360.068.381	17.158.348.125.451
34	Tiền trả nợ gốc vay	21	(16.832.954.009.379)	(16.266.351.891.883)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(19.522.000.072)	(23.243.034.068)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.2	(114.390.510.000)	(168.087.660.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.460.240.788.930	722.000.889.500
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		288.411.605.311	166.454.286.675
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		544.359.213.855	378.657.564.474
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(2.956.751.485)	(752.637.294)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	829.814.067.681	544.359.213.855

Võ Công Danh
Người lập

Trần Lệ Xuân
Kế toán trưởng



Hồ Song Ngọc
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 VÀ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất sắt, thép, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và tại Tầng M, Lô 52-53, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và một (1) chi nhánh tại Lô A3, Đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1.465 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.460 người).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty có bốn (4) công ty con. Chi tiết như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh	Mua bán thép các loại	Đang hoạt động	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng	Sản xuất ống thép hộp, mua bán thép các loại	Đang hoạt động	100	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An	Sản xuất ống thép hộp, mua bán thép các loại	Đang hoạt động	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	Đang hoạt động	100	100

CƠ SỞ TRÌNH BÀY

CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KIỂM TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất báo gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau :

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoảng suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán hàng năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào

báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê chính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản chính khác) và vốn sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo quy tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được Hội đồng Quản trị quyết định chi trả.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ

lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Tất cả hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất sắt, thép, gang; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Tuy nhiên, các hoạt động cung cấp dịch vụ của Nhóm Công ty chiếm không trọng yếu trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề sản xuất sắt, thép, gang và khu vực địa lý là Việt Nam, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.906.925.613	275.126.697
Tiền gửi ngân hàng	812.907.142.068	534.084.087.158
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	829.814.067.681	544.359.213.855

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.162.000.058.794	1.625.388.572.810
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	338.000.000.000	1.215.389.000.000
Trái phiếu (**)	824.000.058.794	409.999.572.810
Dài hạn	30.640.000.000	199.640.000.000
Trái phiếu (**)	30.640.000.000	199.640.000.000
TỔNG CỘNG	1.192.640.058.794	1.825.028.572.810

(*) Đây là khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 6,3% tới 12% một năm.

(**) Số cuối năm thể hiện khoản đầu tư vào trái phiếu được phát hành bởi các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp, trong đó trái phiếu doanh nghiệp có tài sản đảm bảo và được cam kết mua lại bởi đại lý phân phối, với lãi suất từ 6,15%/năm đến 13,0%/năm, trong đó:

- Khoản trái phiếu trị giá 655.000.058.794 VND đã được tất toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Các trái phiếu còn lại được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, được tự do chuyển nhượng và được phân loại dựa trên thời điểm mà Nhóm Công ty dự kiến chuyển nhượng.

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 21, Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu nêu trên để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Minh Minh	120.877.038.188	104.419.425.080
Công ty TNHH Sắt Thép Ngọc Biển	108.096.806.595	41.255.629.927
JFE Shoji America, LLC	-	487.519.007.805
Khác	840.221.037.118	1.850.791.018.382
TỔNG CỘNG	1.070.004.881.901	2.483.985.081.194
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(50.837.445.565)	(3.686.006.222)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.019.167.436.336	2.480.299.074.972

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 21, Nhóm Công ty đã thế chấp một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình nợ xấu như sau:

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi ước tính	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi ước tính
Quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 3 năm	93.253.522.733	(46.342.192.022)	46.911.330.711	2.697.491.072	(1.888.243.751)	809.247.321
- Totem Steel Internation	91.830.676.007	(45.915.338.004)	45.915.338.003	-	-	-
- Stemcor USA INC	1.422.846.726	(426.854.018)	995.992.708	-	-	-
- Khác	-	-	-	2.697.491.072	(1.888.243.751)	809.247.321
Khả năng thu hồi thấp	4.495.253.543	(4.495.253.543)	-	1.797.762.471	(1.797.762.471)	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Á Châu Quang Vinh	2.282.275.444	(2.282.275.444)	-	-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Á Châu Lê Anh	1.367.878.669	(1.367.878.669)	-	1.367.878.669	(1.367.878.669)	-
- Khác	845.099.430	(845.099.430)	-	429.883.802	(429.883.802)	-
TỔNG CỘNG	97.748.776.276	(50.837.445.565)	46.911.330.711	4.495.253.543	(3.686.006.222)	809.247.321

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.686.006.222	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	<u>47.151.439.343</u>	<u>3.686.006.222</u>
Số cuối năm	<u>50.837.445.565</u>	<u>3.686.006.222</u>

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chongqing H&J Technology Co.,Ltd.	1.884.259.500	552.836.100
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Quảng cáo Á Đông	985.017.925	-
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Minh Phát	957.487.832	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Phú Mỹ	897.000.000	497.000.000
Khác	<u>3.235.055.222</u>	<u>2.862.262.928</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.958.820.479</u>	<u>3.912.099.028</u>

PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	102.521.170.237	32.587.198.050
Ký quỹ, ký cược	63.964.115.332	23.179.137.499
Lãi dự thu	27.113.407.579	-
Phải thu chi hộ	6.733.062.844	5.284.220.298
Khác	<u>4.710.584.482</u>	<u>4.123.840.253</u>
Dài hạn	6.365.641.839	4.860.199.839
Ký quỹ, ký cược	<u>6.365.641.839</u>	<u>4.860.199.839</u>
TỔNG CỘNG	<u>108.886.812.076</u>	<u>37.447.397.889</u>

PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Mua Bán Nợ và Quản lý Tài sản Việt Nam (*)	435.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Đầu tư Trường Giang (*)	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo (**)	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần May Xuất khẩu Huế	-	3.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>835.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>

Lãi suất của các khoản cho vay ngắn hạn nêu trên là từ 7,5%/năm đến 18%/năm với kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng.

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản cho vay ngắn hạn này đã được thế chấp và đảm bảo bằng các tài sản của bên đi vay. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã thu hồi toàn bộ khoản cho vay này.

(**) Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo đã thế chấp cổ phiếu của Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (mã chứng khoán: KBC) đang lưu ký tại Công ty Cổ phần chứng khoán MB.

HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	1.763.680.374.552	1.755.028.614.220
Nguyên vật liệu	737.144.529.551	932.342.153.557
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Bán thành phẩm	554.796.239.210	684.134.861.530
Hàng đang đi trên đường	243.179.518.858	967.376.000.446
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.092.953.073	44.980.566.686
Công cụ, dụng cụ	2.839.352.303	7.083.600.039
Hàng hóa	<u>1.054.999.947</u>	<u>43.854.158.798</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.348.787.967.494</u>	<u>4.434.799.955.276</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(58.097.274.651)</u>	<u>(7.783.034.076)</u>
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>3.290.690.692.843</u>	<u>4.427.016.921.200</u>

Như đã được trình bày tại Thuyết minh số 21, Nhóm Công ty đã sử dụng một phần tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu nêu trên để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.783.034.076	229.819.487
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	58.097.274.651	7.783.034.076
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.783.034.076)	(229.819.487)
Số cuối năm	<u>58.097.274.651</u>	<u>7.783.034.076</u>

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	20.150.911.938	20.090.591.278
Công cụ, dụng cụ đang dùng	12.150.751.421	14.157.268.292
Chi phí bảo trì bảo dưỡng	2.928.214.537	875.222.624
Chi phí quảng cáo	247.511.721	1.618.907.789
Khác	4.824.434.259	3.439.192.573
Dài hạn	292.424.812.499	320.043.014.552
Tiền thuê đất trả trước (*)	206.419.284.385	212.847.099.673
Công cụ, dụng cụ đang dùng	51.550.283.958	52.226.764.563
Chi phí quảng cáo	21.121.155.245	41.347.988.845
Khác	13.334.088.911	13.621.161.471
TỔNG CỘNG	<u>312.575.724.437</u>	<u>340.133.605.830</u>

(*) Như được trình bày tại *Thuyết minh số 21*, Nhóm Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Nhóm Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	798.949.965.442	3.500.193.537.500	206.299.949.188	17.068.137.479	346.883.625	4.522.858.473.234
Mua trong năm	297.878.000	10.534.735.425	1.627.578.880	46.749.500	36.444.188	12.543.385.993
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.017.866.799	12.519.653.494	-	-	-	13.537.520.293
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	3.620.400.000	18.485.127.278	-	-	22.105.527.278
Thanh lý	-	-	(2.527.476.061)	-	-	(2.527.476.061)
Số cuối năm	<u>800.265.710.241</u>	<u>3.526.868.326.419</u>	<u>223.885.179.285</u>	<u>17.114.886.979</u>	<u>383.327.813</u>	<u>4.568.517.430.737</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	21.818.729.692	306.172.603.800	15.825.189.814	12.960.040.279	-	356.776.563.585
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	174.420.691.987	1.585.313.945.961	95.885.619.228	13.859.912.953	138.753.448	1.869.618.923.577
Khấu hao trong năm	37.087.885.017	271.587.517.196	23.955.244.799	1.127.168.428	39.547.587	333.797.363.027
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	982.646.975	6.208.621.209	-	-	7.191.268.184
Thanh lý	-	-	(813.255.183)	-	-	(813.255.183)
Số cuối năm	<u>211.508.577.004</u>	<u>1.857.884.110.132</u>	<u>125.236.230.053</u>	<u>14.987.081.381</u>	<u>178.301.035</u>	<u>2.209.794.299.605</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>624.529.273.455</u>	<u>1.914.879.591.539</u>	<u>110.414.329.960</u>	<u>3.208.224.526</u>	<u>208.130.177</u>	<u>2.853.239.549.657</u>
Số cuối năm	<u>588.757.133.237</u>	<u>1.668.984.216.287</u>	<u>98.648.949.232</u>	<u>2.127.805.598</u>	<u>205.026.778</u>	<u>2.358.723.131.132</u>

Một số tài sản cố định đã được dùng để thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty (*Thuyết minh số 21*).

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND		
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	3.620.400.000	67.445.832.074	71.066.232.074
Thuê trong năm	-	23.216.496.290	23.216.496.290
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(3.620.400.000)	(18.485.127.278)	(22.105.527.278)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>72.177.201.086</u>	<u>72.177.201.086</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	813.841.975	9.461.865.137	10.275.707.112
Khấu hao trong năm	168.805.000	8.036.645.735	8.205.450.735
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(982.646.975)	(6.208.621.209)	(7.191.268.184)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>11.289.889.663</u>	<u>11.289.889.663</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>2.806.558.025</u>	<u>57.983.966.937</u>	<u>60.790.524.962</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>60.887.311.423</u>	<u>60.887.311.423</u>

PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho bên khác:	1.263.889.355.033	2.342.820.262.818
Trong đó:		
- Công ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	545.984.536.256	1.236.237.983.623
- Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	153.495.036.312	133.683.749.470
- Posco Vietnam Co., Ltd.	127.838.358.943	59.085.531.839
- JFE Shoji Corporation	-	436.911.814.054
- Khác	436.571.423.522	476.901.183.832
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	-	9.128.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.263.889.355.033</u>	<u>2.351.948.262.818</u>

NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số cuối năm
PT Great Fortune	20.517.893.693	4.885.719.930
PT Andaru Steel One	5.885.523.726	-
PT. Kepuh Kencana Arum	5.726.426.680	1.273.601.728
Gramperfil S.A	-	17.780.080.988
Khác	15.427.142.057	34.674.551.315
TỔNG CỘNG	<u>47.556.986.156</u>	<u>58.613.953.961</u>

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	143.668.166.502	2.142.680.693.708	(2.144.251.007.387)	142.097.852.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp	767.717.530	-	-	767.717.530
Khác	7.020.000	2.041.434	-	9.061.434
TỔNG CỘNG	<u>144.442.904.032</u>	<u>2.142.682.735.142</u>	<u>(2.144.251.007.387)</u>	<u>142.874.631.787</u>
Phải trả				
Thuế GTGT	39.397.961.093	2.012.954.772.010	(1.974.726.225.108)	77.626.507.995
Thuế thu nhập cá nhân	1.396.171.831	25.200.743.727	(25.951.603.192)	645.312.366
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.707.853.445	710.107.217	(68.218.775.287)	199.185.375
Thuế nhập khẩu	206.825.486	1.310.389.940	(1.517.215.426)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	285.400.000	(285.400.000)	-
Khác	23.656.578	3.435.166.320	(3.458.822.898)	-
TỔNG CỘNG	<u>108.732.468.433</u>	<u>2.043.896.579.214</u>	<u>(2.074.158.041.911)</u>	<u>78.471.005.736</u>

CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	13.574.068.759	6.246.208.035
Chi phí quảng cáo	8.393.097.727	-
Khác	42.343.382	202.786.779
TỔNG CỘNG	<u>22.009.509.868</u>	<u>6.448.994.814</u>

PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quảng cáo	775.752.875	938.102.030
UPAS L/C	-	1.965.096.402.967
Chiết khấu bộ chứng từ	-	368.152.785.550
Khác	11.365.497.056	1.922.060.109
TỔNG CỘNG	<u>12.141.249.931</u>	<u>2.336.109.350.656</u>

QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	56.358.084.805	18.010.286.067
<i>Chi tiết tăng (giảm) quỹ khen thưởng, phúc lợi:</i>		
	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.010.286.067	7.806.945.997
Cộng: Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	100.501.960.918	33.866.039.857
Trừ: Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi	(62.154.162.180)	(23.662.699.787)
Số cuối năm	56.358.084.805	18.010.286.067

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại lại	Đánh giá lại	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn	3.771.851.959.361	17.907.319.868.381	(16.449.573.715.113)	38.252.096.742	(1.884.273.475)	5.265.965.935.896
Vay ngân hàng	3.520.555.134.703	17.809.839.868.381	(16.100.062.765.561)	-	(1.884.273.475)	5.228.447.964.048
Vay ngắn hạn - VND	2.806.683.694.906	10.277.634.427.598	(9.219.931.339.252)	-	-	3.864.386.783.252
Vay ngắn hạn - USD	420.043.115.000	7.532.205.440.783	(6.586.303.101.512)	-	(1.884.273.475)	1.364.061.180.796
Vay dài hạn đến hạn trả	293.828.324.797	-	(293.828.324.797)	-	-	-
Vay bên liên quan	237.096.000.000	97.480.000.000	(334.576.000.000)	23.600.000.000	-	23.600.000.000
Vay ngắn hạn bên liên quan	-	97.480.000.000	(97.480.000.000)	-	-	-
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả	237.096.000.000	-	(237.096.000.000)	23.600.000.000	-	23.600.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	14.200.824.658	-	(14.934.949.552)	14.652.096.742	-	13.917.971.848
Vay dài hạn	451.129.717.867	25.040.200.000	(402.902.294.338)	(38.252.096.742)	-	35.015.526.787
Vay ngân hàng	383.615.243.818	-	(383.615.243.818)	-	-	-
Nợ thuê tài chính	29.214.474.049	25.040.200.000	(4.587.050.520)	(14.652.096.742)	-	35.015.526.787
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	38.300.000.000	-	(14.700.000.000)	(23.600.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	4.222.981.677.228	17.932.360.068.381	(16.852.476.009.451)	-	(1.884.273.475)	5.300.981.462.683

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	5.265.965.935.896	3.827.537.623.323
Vay và nợ thuê tài chính	5.265.965.935.896	3.771.851.959.361
- Vay ngân hàng (i)	5.228.447.961.048	3.226.726.809.906
- Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (iii) (Thuyết minh 33)	23.600.000.000	237.096.000.000
- Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (ii)	13.917.971.848	14.200.824.658
- Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	-	293.828.324.797
Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 22)	-	55.685.663.962
Dài hạn	35.015.526.787	451.129.717.867
Vay và nợ thuê tài chính	35.015.526.787	451.129.717.867
- Vay ngân hàng	-	383.615.243.818
- Vay các bên liên quan (iii) (Thuyết minh số 33)	-	38.300.000.000
- Nợ thuê tài chính (ii)	35.015.526.787	29.214.474.049
TỔNG CỘNG	5.300.981.462.683	4.278.667.341.190

VAY NGẮN HẠN TỪ CÁC NGÂN HÀNG

Nhóm Công ty vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn thanh toán	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn ("Vietinbank DSG")				
Khoản vay 1	2.001.189.711.584	-	5 tháng từ ngày nhận nợ vay	Hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
Khoản vay 2	337.071.442.198	14.186.509	5 tháng từ ngày nhận nợ vay	
Khoản vay 3	25.000.000.000	-	Ngày 13 tháng 4 năm 2023	Hàng tồn kho
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ("BIDV")				
Khoản vay 1	749.735.776.086	-	Từ 5 đến 6 tháng từ ngày nhận nợ vay	Hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và trái phiếu
Khoản vay 2	955.468.791.000	40.757.000	5 tháng từ ngày nhận nợ vay	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương ("VCB")				
Khoản vay 1	833.001.975.059	-	Từ 4 đến 6 tháng từ ngày nhận nợ vay	Hàng tồn kho, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất
Khoản vay 2	71.520.947.597	3.013.946	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	
Khoản vay 3	9.853.601.420	-	Từ ngày 13 tháng 2 năm 2023 đến ngày 1 tháng 5 năm 2023	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")				
Khoản vay 1	245.605.716.104	-	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Máy móc thiết bị
TỔNG CỘNG	5.228.447.961.048	57.957.455		

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 4,8%/năm đến 8,6%/năm và bằng USD là từ 3,5%/năm đến 4,9%/năm.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021						
Số đầu năm	975.098.260.000	464.371.374.500	1.931.977.742	3.430.602.730	977.929.824.885	2.422.762.039.857
Phát hành cổ phiếu	48.130.030.000	-	-	-	-	48.130.030.000
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(194.915.890.000)	(194.915.890.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.209.808.221.380	1.209.808.221.380
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 20)	-	-	-	-	(33.866.039.898)	(33.866.039.898)
Số cuối năm	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	3.430.602.730	1.958.956.116.367	3.451.918.361.339
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Số đầu năm	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	3.430.602.730	1.958.956.116.367	3.451.918.361.339
Phát hành cổ phiếu (*)	123.686.810.000	370.065.078.983	-	-	-	493.751.888.983
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	(114.691.510.000)	(114.691.510.000)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(276.508.187.355)	(276.508.187.355)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 20)	-	-	-	-	(100.501.960.918)	(100.501.960.918)
Khác	-	-	-	-	(5.426.939.694)	(5.426.939.694)
Số cuối năm	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	3.430.602.730	1.461.827.518.400	3.448.541.652.355

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22 tháng 5 năm 2021, cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Theo đó, vào ngày 14 tháng 3 năm 2022, Công ty đã phát hành 12.368.681 cổ phiếu và Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 1.023.228.290.000 VND lên 1.146.915.100.000 VND vào ngày 8 tháng 4 năm 2022.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2022/NQ-HĐQT-TDA ngày 8 tháng 6 năm 2022 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 24 tháng 6 năm 2022, cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền tại mức 10% mệnh giá và bằng cổ phiếu tại mức 20% mệnh giá. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2022, Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền.

CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.023.228.290.000	975.098.260.000
Tăng trong năm	123.686.810.000	48.130.030.000
Số cuối năm	1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	114.691.510.000	194.915.890.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	114.390.510.000	168.087.660.000
Cổ tức được chuyển thành khoản thanh toán tiền mua cổ phiếu phổ thông	-	26.794.680.000

THUÊ TÀI CHÍNH

Nhóm Công ty hiện đang thuê phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
	Dưới 1 năm	17.146.358.785	3.228.383.937	13.917.974.848	16.923.776.500	2.722.951.842
Từ 1 - 5 năm	39.057.749.837	4.042.223.050	35.015.526.787	33.025.548.812	3.811.074.763	29.214.474.049
TỔNG CỘNG	56.204.108.622	7.270.606.987	48.933.501.635	49.949.325.312	6.534.026.605	43.415.298.707

i) Vay dài hạn từ các bên liên quan

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Bà Lê Thị Phương Loan	23.600.000.000	Ngày 3 tháng 6 năm 2023	7.0	Tin chấp
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	23.600.000.000			
Vay dài hạn	-			

TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (Thuyết minh số 23.1) (VND)	Cấu phần nợ (VND)
	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6.3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu ("HĐĐMTP") với Công ty TNHH Posco Việt Nam ("Posco"), một công ty con của POSCO và được thành lập tại Việt Nam. Theo đó, vào ngày 28 tháng 4 năm 2014, Nhóm Công ty đã phát hành 559.067 trái phiếu chuyển đổi không đảm bảo với mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 VND cho Posco để đầu tư lắp đặt hai (2) dây chuyền sản xuất mới. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất - Phụ lục số 8 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2024. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

CỔ PHIẾU

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	114.691.510	102.322.829

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

DOANH THU
DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	21.680.827.982.408	25.301.792.525.112
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>20.468.014.141.395</i>	<i>22.152.627.988.286</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>865.862.070.662</i>	<i>2.847.909.249.979</i>
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	<i>331.539.758.313</i>	<i>284.879.102.448</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>15.412.012.038</i>	<i>16.376.184.399</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(66.343.360.473)	(40.045.823.010)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>(49.259.272.823)</i>	<i>(18.698.334.704)</i>
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<i>(16.514.200.905)</i>	<i>(20.415.988.363)</i>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	<i>(569.886.745)</i>	<i>(931.499.943)</i>
DOANH THU THUẦN	21.614.484.621.935	25.261.746.702.102
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>20.424.705.778.832</i>	<i>22.112.582.165.276</i>
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>842.827.072.752</i>	<i>2.847.909.249.979</i>
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	<i>331.539.758.313</i>	<i>284.879.102.448</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>15.412.012.038</i>	<i>16.376.184.399</i>

DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	198.005.022.263	194.290.356.024
Lãi tiền gửi	77.754.898.731	33.869.254.844
Lãi trái phiếu	75.081.468.624	18.791.862.465
Lãi từ các khoản cho vay	55.917.554.738	19.400.847.637
Khác	339.751.129	127.895.800
TỔNG CỘNG	407.098.695.485	266.480.216.770

GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	19.250.643.604.501	19.583.122.761.303
Giá vốn hàng hóa đã bán	807.053.096.045	2.586.339.786.400
Giá vốn phế liệu	310.054.625.772	281.532.732.120
Giá vốn dịch vụ cung cấp	15.293.678.593	11.463.329.079
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	50.314.240.576	7.553.214.589
TỔNG CỘNG	20.433.359.245.487	22.470.011.823.491

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	248.577.099.938	205.600.480.772
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	214.782.653.663	52.247.337.883
Khác	40.153.911.508	455.137.758
TỔNG CỘNG	503.513.665.109	258.302.956.413

CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển	1.029.219.297.552	979.918.161.683
Chi phí quảng cáo	76.089.971.295	81.446.248.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.289.470.268	79.724.250.922
Chi phí nhân viên	51.687.061.284	51.297.797.551
Chi phí khấu hao và hao mòn	8.081.035.420	7.766.870.707
Khác	14.590.842.564	11.743.116.361
TỔNG CỘNG	1.244.957.678.383	1.211.896.445.856

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	50.343.177.552	48.909.127.307
Dự phòng các khoản phải thu	47.151.439.343	3.395.355.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.668.412.686	37.187.362.973
Chi phí khấu hao và hao mòn	10.664.858.115	10.593.861.442
Khác	4.836.877.448	9.106.281.512
TỔNG CỘNG	140.664.765.144	109.191.988.516

CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	18.486.906.329.300	20.181.629.809.809
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.493.746.079.178	1.274.295.062.251
Giá vốn hàng hóa	807.916.461.608	2.586.339.786.400
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12, 13 và 14)	344.492.862.316	342.406.247.684
Chi phí nhân viên	338.780.732.981	339.993.002.488
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho và nợ phải thu khó đòi	97.465.679.918	11.239.220.811
Khác	19.426.635.009	298.318.082.966
TỔNG CỘNG	21.588.734.780.310	25.034.221.212.409

THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	9.199.536.566	31.127.132.696
Thu nhập từ bán phế liệu	6.703.113.978	8.212.733.807
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và chuyển nhượng quyền sử dụng đất	137.630.972	19.721.569.943
Khác	2.358.791.616	3.192.828.946
Chi phí khác	(852.683.796)	(6.454.829.353)
Tiền bồi thường	(248.841.109)	(631.751.991)
Tiền phạt thuế	(152.853.684)	(1.117.748.008)
Khác	(450.989.003)	(4.705.329.354)
LỢI NHUẬN KHÁC	8.346.852.770	24.672.303.343

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CHI PHÍ THUẾ TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN	710.107.217	294.185.206.251
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	1.976.053.891
Chi phí thuế TNDN hiện hành	710.107.217	296.161.260.142
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(16.767.103.795)	(2.473.473.583)
TỔNG CỘNG	(16.056.996.578)	293.687.786.559

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(292.565.183.933)	1.503.496.007.939
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(58.513.036.787)	300.699.201.588
Điều chỉnh:		
Chuyển lỗ	30.696.019.467	-
Thuế TNDN liên quan đến chi phí lãi vay được kết chuyển theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP	11.286.157.483	(10.519.195.992)
Chi phí không được trừ	471.559.159	2.351.870.022
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	1.976.053.891
Thuế TNDN được giảm	-	(2.213.625.431)
Khác	2.304.100	1.393.482.481
Chi phí thuế TNDN	(16.056.996.578)	293.687.786.559

THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. (Lỗ thuế) thu nhập chịu thuế khác với (lỗ) lợi nhuận kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUẾ TNDN HOẢN LẠI

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	11.619.454.930	-	11.619.454.930	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	9.268.438.404	-	9.268.438.404	-
Chi phí phải trả	1.697.619.545	9.304.100	1.688.315.445	(114.884.406)
Lợi nhuận chưa thực hiện	(938.629.585)	4.870.475.399	(5.809.104.984)	2.588.357.989
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.646.883.294	4.879.779.499		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			16.767.103.795	2.473.473.583

CHI PHÍ LÃI VAY MANG SANG

Theo Nghị định Số 132/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành vào ngày 5 tháng 11 năm 2020, quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết ("Nghị định 132"), có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 11 năm 2020 cho kỳ quyết toán thuế TNDN năm 2020 trở đi. Theo đó chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132 được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định của Nghị định 132. Thời gian chuyển chi phí lãi vay trong vòng 5 năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển đến năm	VND			
		<i>Chi phí lãi vay chưa được trừ sau tính đến ngày 31/12/2022</i>	<i>Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2022</i>	<i>Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 31/12/2022</i>	<i>Chi phí lãi vay chưa chuyển sang năm sau tại ngày 31/12/2022</i>
2022 (i)	2027	56.430.787.414	-	-	56.430.787.414

(i) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(LỖ) LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính (lỗ) lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ) lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	(276.508.187.355)	1.209.808.221.380
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(100.501.960.918)
Phụ cấp Hội đồng Quản trị (*)	-	(5.426.939.694)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty	(276.508.187.355)	1.103.879.320.768
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	112.116.113	99.927.830
Ảnh hưởng suy giảm	24.976.041	22.538.384
Cổ tức sẽ được thanh toán bằng cổ phiếu (**)	22.423.223	19.985.566
Trái phiếu có thể chuyển đổi	2.552.818	2.552.818
Số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm bình quân	137.092.154	122.466.214
(Lỗ) lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.466)	11.047
(Lỗ) lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(2.017)	9.014

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và phụ cấp Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 24 tháng 6 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và phụ cấp Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận chưa phân phối của năm này

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 24 tháng 6 năm 2022, cổ đông của Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% trên mệnh giá theo số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Theo đó, cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu hiện hành sẽ được nhận 1 cổ phiếu thưởng.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Trả nợ vay	349.276.000.000	8.025.000.000
		Vay	97.480.000.000	259.821.000.000
		Lãi vay	4.466.028.959	1.149.254.334
		Thuê văn phòng	-	7.500.000.000
		Mua văn phòng	-	91.280.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Lãi vay	1.651.999.998	1.120.405.479
		Vay	-	23.600.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải trả bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Mua văn phòng	-	9.128.000.000
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21)				
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay	23.600.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Vay	-	237.096.000.000
TỔNG CỘNG			23.600.000.000	237.096.000.000

Vay dài hạn (Thuyết minh số 21)

Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay	-	23.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Vay	-	14.700.000.000
TỔNG CỘNG				38.300.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Thanh Trung	Chủ tịch HĐQT	7.524.951.589	3.906.301.291
Ông Hồ Song Ngọc	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	3.011.421.362	2.237.852.064
Ông Đoàn Vĩnh Phước	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	2.466.960.258	1.996.209.511
Ông Phạm Quốc Thắng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	2.449.928.673	2.010.118.917
Ông Nguyễn Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	2.291.877.447	1.875.863.381
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	142.800.000	22.800.000
Ông Ngô Văn Sinh	Thành viên HĐQT	100.000.000	-
Ông Đoàn Danh Tuấn	Thành viên HĐQT	100.000.000	-
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	112.000.000	12.000.000
TỔNG CỘNG		18.199.939.329	12.061.145.164

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

	Năm nay	VND Năm trước
Bà Lê Thị Khoa Nguyễn	50.000.000	-
Bà Lâm Duy Thùy Linh	30.000.000	-
Ông Nguyễn Năng Tín	30.000.000	-
Bà Nguyễn Phước Thị Túy Hà	5.000.000	-
TỔNG CỘNG	115.000.000	-

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	20.672.946	18.170.110
Đô la Singapore (SGD)	165	203

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 5 và Thuyết minh số 9, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Võ Công Danh
Người lập



Trần Lệ Xuân
Kế toán trưởng




Hồ Song Ngọc
Tổng Giám đốc